

Số: 129/BC-UBND

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Thanh tra Chuyên đề công tác quản lý Nhà nước về giáo dục, đào tạo Giai đoạn 2014 - 2018

Thực hiện Quyết định số: 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc Thanh tra Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

Căn cứ vào đề cương báo cáo của Đoàn Thanh tra Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải báo cáo Đoàn Thanh tra với nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH (giai đoạn 2014 - 2018)

Kiên Hải là huyện đảo với 4 xã độc lập gồm: Hòn Tre; Lại Sơn; An Sơn và Nam Du. Trung tâm hành chính Huyện cách đất liền khoảng 30km, xã xa nhất cách đất liền khoảng 120km. Toàn huyện có 8 Trường với 15 điểm gồm: Trường Mầm non Hòn Tre; Tiểu học Hòn Tre; Mầm non Sao Mai; Tiểu học Lại Sơn; Tiểu học Trần Quốc Toản; Tiểu học An Sơn; Trung học cơ sở An Sơn; Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Du. Thực Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đến tháng 8/2019 huyện đã sáp nhập Trường Mầm non Hòn Tre vào Trường Tiểu học Hòn Tre và Trường Tiểu học Lại Sơn vào Trường Tiểu học Trần Quốc Toản. Như vậy hiện nay Huyện có 6 Trường với 14 điểm (xóa điểm Bãi Cát xã Nam Du). Huyện không có Trung tâm giáo dục thường-xuyên, không có Cơ sở đào tạo và Trường tư thực.

Tổng số học sinh toàn Huyện hiện nay là 2722 hs/105 lớp (không tính số học sinh THCS của 02 trường THPT) so với năm học 2014 - 2015 giảm 4 lớp tăng 41 học sinh (năm học 2014 - 2015 2681hs/109 lớp). Tổng số nhân sự năm 2014 là 207, năm 2018 là 220. Hiện nay 207 giảm 14 nhân sự so với năm 2018 (do chuyển công tác, bỏ việc). Huyện đang chuẩn bị xét tuyển trong năm 2019 để đảm bảo thực hiện đúng số biên chế được giao. Trình độ giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn năm 2014 là 61,6% (130/211), năm 2018 là 90,9 % (201/221) tăng 29,3%.

Về biên chế sự nghiệp giáo dục: Năm 2014 được giao là 230, năm 2015 đến năm 2017 được giao là 236, năm 2018 được giao là 230. Hiện nay được giao là 225 giảm 11 biên chế so với năm 2015.

Việc công khai đối với cơ sở giáo dục: Đây là công việc hết sức quan trọng, Huyện đã giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các Trường công khai minh bạch về lĩnh vực tài chính (Công khai các khoản thu của trường, công khai

việc thu chi ngân sách trong đơn vị...) công khai về chất lượng giáo dục (thông qua công tác kiểm định chất lượng giáo dục).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, HỆ THỐNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÀ GIÁO, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2014 - 2018.

1. Việc trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục:

Trên cơ sở thực hiện các văn bản của cấp trên như: (1) Nghị quyết số 71/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục Mầm non và Phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (2) Nghị quyết số 88/2014/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 về Quy định chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang; (3) Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 về Một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (4) Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục Mầm non và Phổ thông công lập năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (5) Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 về Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2017 và giai đoạn ổn định ngân sách 2017 - 2020; (6) Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (7) Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 về việc Quy định mức trợ cấp đặc thù cho công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Kiên Giang; (8) Nghị quyết số 100/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về việc Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; (9) Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về Ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo; (10) Nghị quyết số 115/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về Kế hoạch đầu tư công năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (11) Nghị quyết số 119/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 về Sửa đổi, bổ sung nội dung của Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo ban hành kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; (12) Nghị quyết số 118/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục Mầm non và Phổ thông công lập năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (13) Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 về Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang. Hàng năm UBND huyện trình Hội đồng nhân huyện cho ý kiến xem xét quyết định về giao dự toán ngân sách; giao biên chế; đầu tư công về trường lớp; giao chỉ tiêu phát triển giáo dục trên địa bàn Huyện.

2. Việc chỉ đạo hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các cơ sở giáo dục:

Trên cơ sở thực hiện các văn bản của UBND tỉnh như: (1) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 về việc Quy định kinh phí chi trả cho đối tượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các Trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (2) Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 về việc Hỗ trợ tiền thưởng cho giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh đạt thành tích cao trong giảng dạy và học tập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (3) Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 về Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (4) Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục Mầm non và Phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (5) Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 về Ban hành Quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang; (6) Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 về việc Dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (7) Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 về Ban hành Quy định về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; (8) Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục Mầm non và Phổ thông công lập năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (9) Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 về việc Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách Tỉnh; ngân sách cấp Huyện; ngân sách cấp Xã giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (10) Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (11) Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (12) Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc Ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; (13) Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc Ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kiên Giang; (14) Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc Ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (15) Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 về việc Giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện năm 2016; (16) Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2011 - 2020; (17) Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày

12/3/2014 về việc Phê duyệt kế hoạch đào tạo sau đại học cho công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2013 - 2020; (18) Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 29/10/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 37 ngày 06-6-2014 của Ban Bí thư về việc Tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; (19) Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 05/11/2014 về Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; (20) Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 11/11/2014 về việc Đào tạo lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu Du lịch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (21) Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của UBND tỉnh về việc quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang; (22) Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về Phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kiên Giang; (23) Chỉ thị số 2323/CT-UBND ngày 03/11/2017 về việc Tăng cường công tác phân luồng, tuyển sinh, đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo như: (1) Công văn số 21/VP-UBND ngày 14/01/2014 về việc Tiếp tục khảo sát, chấn chỉnh dạy thêm học thêm của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (2) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 19/03/2014 về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*; (3) Công văn số 197/VP-UBND ngày 02/4/2014 về việc Ký hợp đồng làm việc đối với viên chức của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (4) Công văn số 316/VP-UBND ngày 15/5/2014 về việc Tăng cường và nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (5) Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 16/5/2014 về việc Phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em huyện Kiên Hải giai đoạn 2014 - 2015 của UBND huyện Kiên Hải; (6) Công văn số 15/UBND ngày 04/02/2015 về việc Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền dụng sử dụng và quản lý công chức, viên chức của UBND huyện Kiên Hải; (7) Công văn số 385/VP-UBND ngày 21/5/2015 về việc Xét tuyển thẳng vào đại học năm 2015 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (8) Công văn số 103/UBND ngày 07/9/2015 về việc Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 của UBND huyện Kiên Hải; (9) Công văn số 60/VP-VHXXH ngày 27/01/2016 về việc Thành lập đoàn kiểm tra cấp Tỉnh kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2015 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (10) Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 28/01/2016 về việc Thực hiện chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em và các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2015 - 2020 của UBND huyện Kiên Hải; (11) Công văn số 25/UBND-PNV ngày 25/02/2016 về việc Xây dựng và điều chỉnh đề án tinh giản biên chế theo nghị định số 108/2014/NĐ-CP của UBND huyện Kiên Hải; (12) Quyết định số: 1022/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc Ban

hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo; (13) Công văn số 336/VP-TH ngày 15/5/2017 về việc Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017 các công trình, dự án do ngành Giáo dục quản lý của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (14) Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/5/2017 về việc Triển khai thực hiện tháng hành động vì trẻ em năm 2017 trên địa bàn huyện của UBND huyện Kiên Hải; (15) Công văn số 655/VP-VHXXH ngày 24/8/2017 về việc Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp học và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến giai đoạn 2021 - 2030 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (16) Công văn số 845/VP-VHXXH ngày 14/8/2018 về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018 - 2020 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (17) Quyết định số: 789/QĐ-UBND, ngày 15/8/2018 về việc Ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các Trường trực thuộc; (18) Công văn số 1014/VP-TH ngày 02/10/2018 về việc Hướng ứng tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2018 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải.

Nhìn chung, quá trình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật được tổ chức thực hiện đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định hiện hành và các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên. UBND huyện đã quan tâm, chỉ đạo công tác tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, thường xuyên rà soát văn bản để phát hiện những quy định không còn phù hợp với quy định của pháp luật để đảm bảo tính hợp lý, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất, kiến nghị các cấp cơ quan thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

3. Việc thực hiện công khai và chỉ đạo kiểm tra cơ sở giáo dục:

Ủy ban nhân dân huyện giao Thanh tra huyện hàng năm thanh tra về lĩnh vực tài chính từ 1 đến 2 trường. Nội dung thanh tra chủ yếu tập trung vào các nội dung như: Việc quản lý sử dụng ngân sách, quản lý sử dụng nguồn học phí, các khoản thu, chi ngoài ngân sách... qua thanh tra nhìn chung các đơn vị trường học trong huyện đã thực hiện tương đối tốt việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách, từ năm 2014 đến nay không phát hiện sai phạm dẫn đến thi hành kỷ luật. Tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị để xảy ra sai phạm nhỏ trong việc thu chi không đúng quy định phải buộc thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra chuyên môn các đơn vị trường học 2 trường/1 năm học, nội dung tập trung vào các vấn đề: Về tổ chức cơ sở giáo dục; Về cơ sở vật chất kỹ thuật; Việc thực hiện kế hoạch giáo dục, đào tạo; Công tác quản lý của Hiệu trưởng; Việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chuyên môn; việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục; Thực hiện chế độ chính sách đối giáo viên... Qua kiểm tra nhìn chung các trường thực hiện tốt các nhiệm vụ năm học, thực hiện đúng nội dung chương trình của Bộ GD-ĐT. Chế độ chính sách của giáo viên được thực hiện đầy đủ theo quy định, công tác Phổ cập giáo dục được duy trì, toàn huyện không có tình trạng dạy

thêm, học thêm. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế như: Tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao, việc xây dựng trường chuẩn quốc gia còn gặp khó khăn về diện tích đất, công tác quản lý hồ sơ, sổ sách chuyên môn còn hạn chế.

4. Công tác thông tin báo cáo:

Hàng năm UBND huyện thực hiện công tác thông báo cáo cho UBND tỉnh, Sở GD-ĐT, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện luôn kịp thời và chính xác. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc báo cáo trao đổi thông tin được UBND huyện chỉ đạo sử dụng có hiệu quả như: Website cổng tin điện tử huyện, trang hồ sơ công việc, email công vụ, chữ ký số, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, phần mềm phổ cập, phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục, ...

5. Việc đảm bảo biên chế sự nghiệp giáo dục:

Hàng năm trên cơ sở giao biên chế sự nghiệp giáo dục của UBND tỉnh, UBND huyện giao Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện giao cho ngành Giáo dục đúng với số biên chế Tỉnh giao. Tuy nhiên trong quá trình giao biên chế của Tỉnh không đảm bảo nhu cầu biên chế của Huyện, vì vậy Huyện tập trung ưu tiên sử dụng biên chế giáo viên, còn các vị trí nhân viên, cán bộ quản lý một số đơn vị vẫn còn thiếu. Mặt khác khi thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17-4-2015 của Bộ Chính trị về Tinh gọn biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Tỉnh thực hiện lộ trình giai đoạn 2016 - 2020 tinh giảm 10% biên chế sự nghiệp giáo dục. Chính vì thế Huyện gặp rất nhiều khó khăn trong việc đảm bảo biên chế cho các Trường học nhất là bậc học Mầm non (hiện có 2 xã An Sơn và Nam Du chưa có lớp Mầm non 3,4 tuổi).

6. Về đảm bảo các điều kiện tài chính cơ sở vật chất:

- Về Tài chính: Hàng năm UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện ~~giao dự toán ngân sách đúng theo quy định của Nhà nước và số biên chế được~~ giao. Nhìn chung kinh phí hoạt động của các Trường đảm bảo đủ chi, hàng năm một số đơn vị tiết kiệm tăng thu nhập cho giáo viên, toàn Huyện không xảy ra tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, nợ chiết tính giáo viên.

- Về Cơ sở vật chất: Toàn Huyện hiện có 94 phòng học, 21 phòng chức năng. Trong giai đoạn 2016 - 2020 đã xây mới 32 phòng học với tổng số tiền 36,774 tỷ và sửa chữa với tổng số tiền 3,15 tỷ hiện có 01 Trường đạt chuẩn quốc gia, các Trường còn đều đạt tiêu chí 5 về nông thôn mới. 100% Trường Mầm non và Trường Tiểu học đều đảm bảo đủ số phòng học dạy 2 buổi/ngày, các phòng học bộ môn, tin học đều được đảm bảo. Nhìn chung tất cả các Trường trên địa bàn đều khá khang trang sạch đẹp. Tuy nhiên do điều kiện đất đai diện tích của các Trường chưa đảm bảo quy định về diện tích của bộ GD-ĐT, thiếu sân chơi bãi tập cho học sinh.

7. Về công tác đào tạo bồi dưỡng:

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức tổ chức bồi dưỡng chính trị hè cho toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

trong ngành đạt trên 100%; chọn cử cán bộ, giáo viên tham gia các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo sự chỉ đạo của Sở GD-ĐT. Trong giai đoạn 2014 - 2018 cử 16 cán bộ quản lý và giáo viên tham gia học lớp bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị. Hiện nay cán bộ quản lý của các Trường có 100% đạt trình độ Trung cấp lý luận chính trị và Bồi dưỡng quản lý giáo dục.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức luôn được quan tâm, chú trọng, nhất là bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. Đến nay, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên toàn Huyện chuẩn về chuyên môn đạt 100%; trên chuẩn đạt 90.9%; cơ bản, đại bộ phận đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đều có phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống tốt; làm việc tận tụy, tâm huyết với nghề, có ý thức tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên hiện nay toàn Huyện không có trường dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên vì vậy việc đào tạo nguồn nhân lực cho Huyện gặp khó khăn, tất cả đều cử đào tạo, bồi dưỡng tại tỉnh Kiên Giang.

III. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Kể từ khi thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 10-02-2014 của Tỉnh ủy về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”* đi vào thực tiễn, hiệu lực quản lý ngành từ tỉnh đến các cơ sở giáo dục của địa phương được tăng cường; kỷ cương được giữ vững. Các cấp quản lý giáo dục thực hiện tốt vai trò tham mưu, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục ở địa phương một cách bền vững.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước ổn định, đi vào chiều sâu. Đội ngũ cán bộ quản lý đều đã qua đào tạo về công tác quản lý, có nhiều cố gắng trong công việc. Việc quản lý các hoạt động giáo dục ngày càng có hiệu quả và chuyên nghiệp hơn. Cơ sở vật chất ngày càng được đầu tư tăng cường theo hướng chuẩn nông thôn mới và chuẩn quốc gia.

Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, góp phần ổn định và phát triển sự nghiệp giáo dục. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh.

Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng được xã hội đồng tình ủng hộ và đạt được những kết quả đáng kể.

2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên ngành Giáo dục và Đào tạo Kiên Hải còn gặp không ít khó khăn như:

1. Việc tinh giản biên chế theo Nghị định 108 là phù hợp. Tuy nhiên giảm 10 % biên chế đồng nghĩa với cắt giảm 10 chỉ tiêu biên chế của Huyện. Như vậy

huyện Kiên Hải gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí nhân sự. Ngoài ra Kiên Hải là Huyện đảo cách xa đất liền, giáo viên đa số từ đất liền ra đảo công tác. Hàng năm giáo viên thuyền chuyển, nghỉ thai sản hoặc bỏ việc, các trường cách nhau khoảng 30km rất khó khăn điều động giáo viên các trường dạy thay. Đồng thời đa số các Trường trên địa bàn Huyện đều có qui mô nhỏ dẫn đến tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ. Đối với cấp học Trung học cơ sở giáo viên bộ môn thiếu, 1 giáo viên phải dạy 2 đến 3 bộ môn, nếu như tính giảm theo Nghị định 108 và thực hiện theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2019 của Chính phủ không cho hợp đồng giáo viên thì trong thời gian tới Huyện không đảm bảo được số lượng lớp học theo quy định vì thiếu nhân sự.

2. Trong năm qua biên chế được giao chưa theo định mức và nhu cầu của Huyện. Năm 2019 tổng biên chế theo định mức toàn Huyện là **249,8**, nhưng tổng biên chế Tỉnh giao cho Huyện là **225**, như vậy thiếu so với định mức là **23,8** biên chế. Chính vì thế cán bộ quản lý của một số đơn vị phải trực tiếp đứng lớp giảng dạy, mới đảm bảo chương trình học của học sinh.

3. Thực hiện theo Nghị định 68 các trường Mầm non và Trung học cơ sở không có kinh phí hợp đồng bảo vệ, vì các Trường có quy mô nhỏ, nguồn thu học phí ít, nên không đảm bảo kinh phí thuê bảo vệ (Quy định UBND tỉnh chỉ giao biên chế hợp đồng theo Nghị định 68 cho Trường Tiểu học).

4. Theo thông tư quy định về Trường đạt Chuẩn quốc gia, các Trường trực thuộc huyện gặp khó khăn trong việc xây dựng Trường đạt Chuẩn quốc gia, vì theo quy định Trường phải có đủ diện tích sân chơi cho học sinh vui chơi và học tập ít nhất 10m²/1 học sinh, nhưng do đất thù là Hải đảo nên quỹ đất không mở rộng được, cho nên “Chuẩn” này sẽ khó đạt nếu thực hiện theo Thông tư quy định.

5. Do thiếu cán bộ Y tế trường học nên một số Trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện quy định về công tác Y tế trường học (*Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học*). Mặt khác nếu nhà trường không có y tế học đường sẽ không được bảo hiểm xã hội cấp tiền khám chữa bệnh ban đầu cho học sinh, từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi của các em khi tham gia bảo hiểm y tế. Đối với Trường Mầm non khung vị trí việc làm quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV thì chỉ được bố trí 02 nhân viên gồm Kế toán kiêm Văn thư và Y tế trường học kiêm Thủ quỹ như vậy nếu tạm dừng tuyển Y tế trường học và Kế toán thì Trường Mầm non sẽ không có nhân viên.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Việc thực hiện tinh giản biên chế là cần thiết; song cắt giảm theo định mức 10% theo cơ học là không phù hợp. Việc tinh giản phải đảm bảo nhu cầu biên chế theo quy mô trường lớp. Vì vậy Chính phủ cần có quy định riêng việc tinh giản đối với ngành Giáo dục; cho phép được hợp đồng trong số biên chế được giao trong khi chờ thi tuyển, nhằm giải quyết kịp thời giáo viên nghỉ hưu, thuyền chuyển, bỏ việc.

2. Có chính sách đặt thù trong việc giao biên chế đối với Hải đảo theo từng vị trí, để đảm bảo chất lượng dạy và học.

3. Cần có quy định cho Trường Mầm non, Trung học cơ sở nhân viên bảo vệ được giao biên chế hợp đồng theo Nghị định 68 như quy định nhân viên bảo vệ Trường Tiểu học.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có quy định riêng về diện tích và tính theo bình quân trên đầu số lượng học sinh, cho phù hợp với điều kiện thực tế Trường đạt Chuẩn quốc gia đối với các xã đảo độc lập.

5. Tiếp tục cho phép tuyển dụng vị trí Y tế trường học để đảm bảo quyền lợi cho các Trường học.

6. Có cơ chế đặc thù, ưu tiên tuyển dụng con em địa phương. Bởi vì đại đa số giáo viên từ nơi khác đến, xin chuyển công tác về đất liền sau khi được tuyển dụng vài năm. Từ đó Huyện luôn bị động trong công tác tổ chức.

Trên đây là báo cáo thực hiện Chuyên đề công tác quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Kiên Hải, giai đoạn 2014 - 2018./.

Nơi nhận:

- Đoàn TTCP;
- TT. UBND huyện;
- Phòng Gd&Đt;
- Phòng Nội vụ;
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VT,pgd&dt (nttnho).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Trị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 08

**DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC, GIÁO VIÊN ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI
GIAI ĐOẠN 2014-9/2019**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị công tác, chức vụ trước khi điều động, LC, BP		Quyết định ĐĐ, LC, BP		Hình thức ĐĐ, LC, BP					Trình độ, chuyên môn		Chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị							Đơn vị, chức vụ nơi tiếp nhận		Chi chú
			Đơn vị	Chức vụ	Số QĐ	Ngày/ tháng/ năm	Điều động	Luân chuyển	Biệt phái	Trung tập	Khác	Trình độ đào tạo	Chuyên môn đào tạo	Trình độ Chính trị	Trình độ QL N	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CC bồi dưỡng NVSP	Khác	Đơn vị	Chức vụ		
1	Đỗ Vũ Tinh	22/12/1992	Trường TH-THCS Nam Du	Giáo viên	76/UBND-NV	01/08/2017		Luân chuyển				12/12	ĐH Sư			A	B			THPT Lại Sơn	Giáo viên		
2	Nguyễn Thị Vẽ	23/6/1992	Trường TH-THCS Nam Du	Giáo viên	737/QĐ-UBND	01/9/2017	Điều động					12/12	Cử nhân GDTH			A	B			TH Trần Quốc Toàn	Giáo viên		
3	Cao Kiều Nương	3/6/1981	Trường TH Lại Sơn	Giáo viên	974/QĐ-UBND	22/11/2017	Điều động					12/12	Cử nhân GDTH			A	B			Trường TH An Sơn	Giáo viên		
4	Châu Thủy Dung	3/8/1979	Trường TH-THCS Nam Du	Giáo viên	838/QĐ-UBND	30/9/2019					Thuyên chuyển	12/12	Cử nhân GDTH		CC	Cơ bản	B1			TH Hòn Tre	Giáo viên		
5	Huỳnh Thị Thúy An	20/4/1990	Trường TH An Sơn	Giáo viên	784/QĐ-UBND	8/8/2014	Điều động					12/12	Cử nhân GDTH			A	A			TH Trần Quốc Toàn	Giáo viên		

Người lập biểu

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nhơ

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Chữ ký)
Lê Minh Trị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH VÀ BIÊN CHẾ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRỰC THUỘC

Biểu số 04

TT		Tên trường cơ sở đào tạo		Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên																																																																
				Năm 2014													Năm 2015													Năm 2016													Năm 2017													Năm 2018												
				Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có		Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Số giáo viên giảng viên tuyển dụng trong năm			Số cán bộ quản lý được bổ nhiệm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Số giáo viên giảng viên tuyển dụng trong năm			Số cán bộ quản lý được bổ nhiệm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Số giáo viên giảng viên tuyển dụng trong năm			Số cán bộ quản lý được bổ nhiệm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Số giáo viên giảng viên tuyển dụng trong năm			Số cán bộ quản lý được bổ nhiệm																												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																	
I MẦM NON																																																																				
1	Trường Mầm non Hòa Trê	19	1	14	1	3	14	4				20	2	13	2	3	16				1	20	2	12	3	3	16	3				21	2	15	1	3	16	1			21	2	15	1	3	16	1																					
2	Trường Mầm non Sao Mai	13	2	8	1	2	9	2		1	1	13	2	6	3	2	12					14	2	6	4	2	13	4		1		17	2	8	5	2	13	2			18	2	7	7	2	14	7			1																		
3	Trường TH Lai Sơn	4		3			5					3		3			5					4		3	1		5	2				5		5			6	2	1			5		5			6																					
4	Trường Tiểu học An Sơn	4	0	3	1	0	6	0	0	0	0	5	0	3	2	0	6	0	0	1	0	4	0	3	1	0	6	2	1		0	6	0	6	0	0	6	2	0		0	6	0	6	0	0	6																					
5	TH-THCS Nam Du	3		1	2		4					3		1	2		4				3		1	2		6	2	1			4		3	1		5	1	1		5		3	2		6	1																						
	TỔNG	42	3	29	5	5	38	6	0	1	1	44	4	26	9	5	43	0	0	1	1	45	4	25	11	5	46	13	2	1	0	53	4	37	7	5	46	8	2	1	0	55	4	36	10	5	48	9			1																	
II TIỂU HỌC																																																																				
1	Tiểu học Hòa Trê	27	2	21	1	3	21					25	2	19	1	3	20				1	26	2	20	1	3	20	1				26	2	21		3	20			2	26	2	21		3	20																						
2	Trần Quốc Toàn	26	2	22		2	21					25	2	21		2	21					23	2	20		1	23					23	2	18	2	1	21			2	24	2	18	3	1	21	3																					
3	Trường TH Lai Sơn	23	2	18	1	2	22					24	2	18	2	2	22					25	2	18	2	3	22					25	2	20		3	21	2		24	1	20	1	2	21	1																						
4	Trường Tiểu học An Sơn	33	2	26	1	4	27	12			0	32	2	26	1	3	27				2	31	2	25	1	3	27				0	28	2	22	3	1	27			27	2	21	3	1	27	3			0																			
5	TH-THCS Nam Du	22	1	18		3	20	5	1			28	2	19	4	3	21			4	1	28	2	19	5	2	21					27	2	20	3	2	21	4	1		25	2	18	3	2	21	3																					
	TỔNG	131	9	105	3	14	111	17	1	0	0	134	10	103	8	13	111	0	0	5	3	133	10	102	9	12	113	1	0	0	0	129	10	101	8	10	110	6	1	0	2	126	9	98	10	9	110	10	0	0	0																	
III THCS																																																																				
1	THCS An Sơn	23	2	17	1	3	20	2				22	2	14	3	3	20					25	2	12	8	3	20					25	2	20		3	22	8		2	25	2	20		3	21																						
2	TH-THCS Nam Du	11	1	10			11	2				9	1	7	1		11				1	12	1	7	4		11					13	1	10	2		14	3		14	1	10	3		14	3																						
	TỔNG	34	3	27	1	3	31	4	0	0	0	31	3	21	4	3	31	0	0	1	1	37	3	19	12	3	31	0	0	0	0	38	3	30	2	3	36	11	0	0	2	39	3	30	3	3	35	3	0	0	0																	
	TỔNG HỢP CÁC CẤP	207	15	161	9	22	180	27	1	1	1	209	17	150	21	21	185	0	0	7	5	215	17	146	32	20	190	14	2	1	0	220	17	168	17	18	192	25	3	1	4	220	16	164	23	17	193	22	0	1	0																	

Người lập biểu

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nhở

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Chữ ký)
Lê Minh Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 3

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH VÀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQLGD MẦM NON, PHỔ THÔNG

TT	Năm học/Cấp học	Trường	Trong đó		Lớp	Trong đó		Học sinh	Trong đó		Tỷ lệ học sinh ngoài công lập (%)	Tổng số giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hiện có	Cán bộ quản lý	Giáo viên, giảng viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên theo định mức, tiêu chuẩn	Tổng biên chế giảng viên, giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Ghi chú
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập				Trong biên chế	Hợp đồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Mầm non (Nhà trẻ, Mẫu giáo, Mầm non)																		
	Năm học 2013-2014	2	2	0	21	21	0	637	637			42	3	29	5	5	46.2	38	
	Năm học 2014-2015	2	2	0	22	22	0	571	571			44	4	26	9	5	48.7	43	
	Năm học 2015-2016	2	2	0	22	22	0	623	623			45	4	25	11	5	49	46	
	Năm học 2016-2017	2	2	0	22	22	0	628	628			53	4	37	7	5	49	46	
	Năm học 2017-2018	2	2	0	24	24	0	703	703			55	4	36	10	5	53.4	48	
2	Tiểu học																		
	Năm học 2013-2014	4	4	0	76	76	0	1861	1861			131	9	105	3	14	114	111	
	Năm học 2014-2015	4	4	0	72	72	0	1768	1768			134	10	103	8	13	108	111	
	Năm học 2015-2016	4	4	0	71	71	0	1719	1719			133	10	102	9	12	106.5	113	
	Năm học 2016-2017	4	4	0	68	68	0	1623	1623			129	10	101	8	10	102	110	
	Năm học 2017-2018	4	4	0	67	67	0	1596	1596			126	9	98	10	9	100.5	110	
3	THCS-THPT																		
	Năm học 2013-2014	1	1	0	14	14	0	308	308			34	3	27	1	3	27.3	31	
	Năm học 2014-2015	1	1	0	15	15	0	342	342			31	3	21	4	3	29.55	31	
	Năm học 2015-2016	1	1	0	15	15	0	378	378			37	3	19	12	3	29.55	31	
	Năm học 2016-2017	1	1	0	17	17	0	432	432			38	3	30	2	3	33.7	36	
	Năm học 2017-2018	1	1	0	18	18	0	455	455			39	3	30	3	3	35.95	35	

Người lập biểu

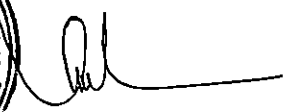


Nguyễn Thị Tuyết Nhơ

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Minh Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

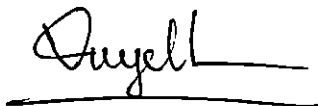
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHU CẦU CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Biểu số 12

TT	Tên các Khoa, Phòng, Ban	Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên hành chính																																																	
		Năm 2014										Năm 2015										Năm 2016										Năm 2017										Năm 2018									
		Biên chế và hợp đồng hiện có					Nhu cầu thực hiện theo quy định					Biên chế và hợp đồng hiện có					Nhu cầu thực hiện theo quy định					Biên chế và hợp đồng hiện có					Nhu cầu thực hiện theo quy định					Biên chế và hợp đồng hiện có					Nhu cầu thực hiện theo quy định														
		CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng	CBQL	Giáo viên	Hành chính	Hợp đồng	Tổng										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	3	4	5	6	7	8	9	10	3	4	5	6	7	8	9	10	3	4	5	6	7	8	9	10	3	4	5	6	7	8	9	10	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Trường Mầm non Hòn Tre	1	14	3	1	19	3	14	2	19	2	13	3	2	20	3	15,4	3	21,4	2	12	3	3	20	3	17,6	2	22,6	2	15	3	1	21	3	17,9	2	22,9	2	15	3	1	21	3	17,9	2	22,9					
2	Tiểu học Hòn Tre	2	21	3	1	27	2	24	3	28,5	2	19	3	2	26	2	20,5	3	25,5	2	20	3	1	26	2	18	3	23,0	2	21	3		26	2	20,5	3	25,5	2	21	3		26	2	20,5	3	25,5					
3	Trường Mầm non Sao Mai	2	8	2	1	13	2	10	2	14	2	6	1	3	12	3	13,2	2	18,2	2	6	2	4	14	3	13,2	2	18,2	2	8	2	5	17	3	13,5	2	18,5	2	7	2	7	18	3	15,7	2	20,7					
4	Trần Quốc Tuấn	2	22	2		26	2	24	3	28,5	2	21	2		25	2	19	3	24	2	20	1		23	2	19	3	24,0	2	18	1	2	23	2	17,5	3	22,5	2	18	1	3	24	2	17,5	3	22,5					
5	Trường TH Lai Sơn	2	21	2	1	26	2	30	3	34,5	2	21	2	2	27	2	30,1	3	35,1	2	21	3	3	29	2	30,1	3	35,1	2	25	3		30	2	25,6	3	30,6	1	25	2	1	29	2	25,6	3	30,6					
6	Trường Tiểu học An Sơn	2	29	4	2	37	3	31	5	39	2	28	4	3	37	3	31,6	5	39,6	2	28	3	2	35	3	31,6	5	39,6	2	28	1	3	34	3	31,6	5	39,6	2	27	1	3	33	3	31,6	5	39,6					
7	THCS An Sơn	2	17	3	1	23	2	19	5	25,8	2	14	3	3	22	2	19,2	5	26,15	2	12	3	8	25	2	19,15	5	26,2	2	20	3		25	2	21,1	5	28,05	2	20	3		25	2	21,1	5	28,05					
8	TH-THCS Nam Du	2	29	3	2	36	3	39	5	47	3	28	2	7	40	3	41,5	5	49,5	3	27	2	11	43	3	40	5	48,0	3	33	2	6	44	3	46,7	5	54,65	3	31	2	8	44	3	44,1	5	52,1					
	Tổng cộng	15	161	22	9	207	19	189	28	236,3	17	150	20	22	209	20	190	29	239,5		146	20	32	215	20	188,7	28	236,7	17	168	18	17	220	20	194	28	242,3	16	164	17	23	220	20	194	28	242					

Người lập biểu :



Nguyễn Thị Tuyết Nhở

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO
GIAI ĐOẠN 2014-T9/2019**

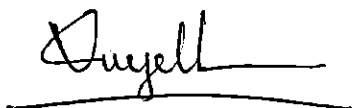
Biểu số 11

[illegible]

1	Thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước trong quản lý thu, chi tài chính ngân sách đối với Trường Trung học cơ sở An Sơn	x			Trong KH phê duyệt	x			Vi phạm chủ yếu: Thanh toán vượt chế độ, sai quy định (Qua Thanh tra về vật chất kết luận thu hồi số tiền 9,245,000đ. Hợp rút kinh nghiệm nghiêm túc đối với 01 tập thể và 02 cá nhân)	
E	Năm 2018									
I	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch									
1	Thanh tra việc quản lý thu, chi tài chính ngân sách và các nguồn thu, chi khác đối với Trường Mầm non Sao Mai	x			Trong KH phê duyệt	x			Vi phạm chủ yếu: Thanh toán vượt chế độ, sai quy định (Qua thanh tra về vật chất kết luận thu hồi số tiền 2,750,000. Hợp rút kinh nghiệm đối với 01 tập thể và 02 cá nhân)	
2	Thanh tra việc quản lý thu, chi tài chính ngân sách và các nguồn thu, chi khác đối với Trường Tiểu học Hòn Tre	x			Trong KH phê duyệt	x			Vi phạm chủ yếu: Thanh toán sai quy định, vượt chế độ, báo cáo quyết toán không có đủ chứng từ... (Qua thanh tra về vật chất kết luận thu hồi số tiền 36,174,850đ. Kiểm điểm nghiêm túc 01 tập thể và 02 cá nhân; kiểm điểm rút kinh nghiệm 01 cá nhân.	
II	Thanh tra, kiểm tra đột xuất									
1	Tên vụ việc									
2	...									
III	Giải quyết khiếu nại									
1	Tên vụ việc									
2	...									
IV	Giải quyết tố cáo									
1	Tên vụ việc									
2	...									
V	Vụ việc khác									
1	Tên vụ việc									
F	Năm 2019									
I	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch									
1	Thanh tra việc quản lý thu, chi tài chính ngân sách đối với Trường Mầm non Hòn Tre	x			Trong KH phê duyệt	x			Vi phạm chủ yếu: Thanh toán vượt chế độ quy định (Qua thanh tra về vật chất kết luận thu hồi số tiền 1,065,000đ. Hợp rút kinh nghiệm đối với 01 tập thể và 02 cá nhân)	

II	Thanh tra, kiểm tra đột xuất									
1	Tên vụ việc									
2	...									
III	Giải quyết khiếu nại									
1	Tên vụ việc									
2	...									
IV	Giải quyết tố cáo									
1	Tên vụ việc									
2	...									
V	Vụ việc khác									
1	Tên vụ việc									

Người lập biểu

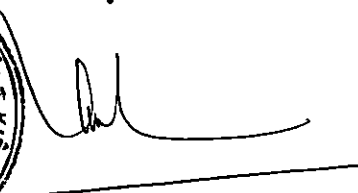


Nguyễn Thị Tuyết Nhớ

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 10

**DANH SÁCH QUY HOẠCH CHỨC DANH CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP TRƯỞNG, CẤP PHÓ
GIAI ĐOẠN 2010-2020**

T T	Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Dân tộc	Ngày vào đảng	Trình độ đào tạo	Chuyên môn	Lý luận CT	Quản lý NN	Ngoại ngữ	Tin học	Chức vụ, đơn vị công tác		Chức danh quy hoạch	Ghi chú
		Nam	Nữ										Chức vụ	Đơn vị		
B	GIAI ĐOẠN 2010-2015															
I	Danh sách quy hoạch chức danh cấp Trưởng															
1	Chức danh Hiệu trưởng															
1	Sầm Quốc Bửu	1981		Kiên Giang	Kinh	2006	12/12	ĐHSP.TH	TC		A		Phó HT	Phó HT trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng trường Tiểu học Hòn Tre	
2	Cao Thị Kim Nhựt	1970		Đồng Tháp	Kinh	2002	12/12	ĐHSP.TH	SC				Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng trường Tiểu học Hòn Tre	
3	Nguyễn Thị Đài Trang	1971		Kiên Giang	Kinh	2010	12/12	TCSP.MN	TC		B	A	Quyển HT	Quyển HT trường Mầm non Hòn Tre	Hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
4	Đỗ Thị Hương	1983		Thanh Hóa	Kinh	2012	12/12	ĐHSP.MN	SC		A	A	Phó HT	Phó HT trường Mầm non Hòn Tre	Hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
5	Nguyễn Thị Tuyết Nhỏ	1983		Kiên Giang	Kinh	2009	12/12	ĐHSP.MN	SC		B		Phó HT	Phó HT trường Mầm non Sao Mai	Hiệu trưởng trường Mầm non Sao Mai	
6	Đào Thị Nguyên	1986		Bến Tre	Kinh		12/12	ĐHSP.MN			B	B	Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Sao Mai	Hiệu trưởng trường Mầm non Sao Mai	
7	Nguyễn Thị Mai	1973		Nghệ An	Kinh	2005	12/12	ĐHSP.TH	SC		B	A	Phó HT	Phó HT trường TH Trần Quốc Toàn	Hiệu trưởng trường TH Trần Quốc Toàn	
8	Trần Thị Dung	1978		Kiên Giang	Kinh	2010	12/12	ĐHSP.TH	SC		A	A	Giáo viên	Giáo viên trường TH Trần Quốc Toàn	Hiệu trưởng trường TH Trần Quốc Toàn	
9	Trần Sỹ Thiện	1974		Thái Bình	Kinh	2008	12/12	ĐHSP.TH	SC		B	A	Phó HT	Phó HT trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng trường Tiểu học Lại Sơn	
10	Nguyễn Thị Thủy	1979		Nghệ An	Kinh	2011	12/12	ĐHSP.TH	SC		B	B	Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng trường Tiểu học Lại Sơn	
11	Trần Hữu Sơn	1973		Hà Tĩnh	Kinh	2004	12/12	ĐHSP.TH	SC				Phó HT	Phó HT trường Tiểu học An Sơn	Hiệu trưởng trường Tiểu học An Sơn	
12	Hoàng Thị Huyền	1975		Nghệ An	Kinh	2004	12/12	ĐHSP.TH	SC				Phó HT	Phó HT trường Tiểu học An Sơn	Hiệu trưởng trường Tiểu học An Sơn	
13	Trần Danh Hưng	1974		Thanh Hóa	Kinh	2006	12/12	ĐH.Toán	SC				Phó HT	Phó HT trường THCS An Sơn	Hiệu trưởng trường THCS An Sơn	
14	Nguyễn Kim Phụng	1984		Trà Vinh	Kinh	2014	12/12	ĐH.Toán	SC		A	B	Giáo viên	Giáo viên trường THCS An Sơn	Hiệu trưởng trường THCS An Sơn	
15	Nguyễn Thị Thảo	1979		An Giang	Kinh	2010	12/12	ĐHSP.TH	TC		A	A	Phó HT	Phó HT trường TH-THCS Nam Du	Hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
16	Ngô Văn Khánh	1980		Thanh Hóa	Kinh	2010	12/12	ĐH. Văn	TC		A		GV-THCS	GV-THCS trường TH-THCS Nam Du	Hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
2	Chức danh phó hiệu trưởng															
1	Lưu Thị Bình	1990		Thanh Hóa	Kinh	2014	12/12	ĐHSP.MN			B	A	Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
2	Nguyễn Thị Bích Duyên	1988		Kiên Giang	Kinh		12/12	TCSP.MN			A	A	Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
3	Trần Thị Bé Năm	1989		Kiên Giang	Kinh		12/12	ĐHSP.MN			A		Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
4	Nguyễn Yến Oanh	1990		Kiên Giang	Kinh	2014	12/12	TCSP.MN			A	A	Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
5	Nguyễn Thị Đông Xuân	1988		Kiên Giang	Kinh		12/12	ĐHSP.MN			B		Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòn Tre	
6	Cao Thị Kim Nhựt	1970		Đồng Tháp	Kinh	2002	12/12	ĐHSP.TH	SC				Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Hòn Tre	
7	Phan Ngọc Vũ	1970		Bến Tre	Kinh		12/12	ĐHSP.TH					Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Hòn Tre	Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Hòn Tre	
8	Đào Thị Nguyên	1986		Bến Tre	Kinh		12/12	ĐHSP.MN			B	B	Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Sao Mai	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Sao Mai	
9	Nguyễn Trang Quyên	1987		Đồng Tháp	Kinh		12/12	ĐHSP.MN			B	A	Giáo viên	Giáo viên trường Mầm non Sao Mai	Phó hiệu trưởng trường Mầm non Sao Mai	
10	Phạm Thị Ngát	1981		Thái Bình	Kinh		12/12	ĐHSP.TH			B		Giáo viên	Giáo viên trường TH Trần Quốc Toàn	Phó hiệu trưởng trường TH Trần Quốc Toàn	
11	Lê Văn Quân	1977		Kiên Giang	Kinh	2010	12/12	ĐHSP.TH	SC		A	A	Giáo viên	Giáo viên trường TH Trần Quốc Toàn	Phó hiệu trưởng trường TH Trần Quốc Toàn	
12	Ngô Hoàng Linh	1979		Kiên Giang	Kinh	2008	12/12	ĐHSP.TH	SC		B	B	CT Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn trường	Phó hiệu trưởng trường TH Trần Quốc Toàn	
13	Trần Thị Dung	1978		Kiên Giang	Kinh	2010	12/12	ĐHSP.TH	SC		A	A	Giáo viên	Giáo viên trường TH Trần Quốc Toàn	Phó hiệu trưởng trường TH Trần Quốc Toàn	
14	Diễm Nhật Minh	1979		Bắc Giang	Kinh		12/12	ĐHSP.TH			A		Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Lại Sơn	Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lại Sơn	
15	Nguyễn Thị Thủy	1979		Nghệ An	Kinh	2011	12/12	ĐHSP.TH	SC		B	B	Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Lại Sơn	Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lại Sơn	
16	Vũ Thị Cúc			Thái Bình	Kinh	2009	12/12	ĐHSP.TH					Giáo viên	Giáo viên trường Tiểu học Lại Sơn	Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lại Sơn	

17	Nguyễn Thị Quỳnh Tâm		1981	Quảng Ngãi	Kinh	2006	12/12	ĐH.Toán	SC		A		Giáo viên	Giáo viên trường THCS An Sơn	Phó hiệu trưởng trường THCS An Sơn	
18	Nguyễn Kim Phụng	1984		Trà Vinh	Kinh	2014	12/12	ĐH.Toán	SC		A	B	Giáo viên	Giáo viên trường THCS An Sơn	Phó hiệu trưởng trường THCS An Sơn	
19	Thái Văn Búi	1979		Kiên Giang	Kinh	2008	12/12	ĐHSP.TH	TC		A	A	Giáo viên	GV-TH trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
20	Kim Giàu	1985		Trà Vinh	Khmer	2014	12/12	ĐHSP.TH	SC		A	A	Giáo viên	GV-TH trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
21	Ngô Văn Khánh	1980		Thanh Hóa	Kinh	2010	12/12	ĐH. Văn	TC		A		Giáo viên	GV-THCS trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
22	Thế Đức Mạnh	1977		Thái Bình	Kinh	2005	12/12	ĐH.Toán	SC		B		Giáo viên	GV-THCS trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
23	Nguyễn Cúc Thảo		1985	Trà Vinh	Kinh	2015	12/12	ĐHSP.Lý	SC		B	B	Giáo viên	GV-THCS trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
24	Nguyễn Minh Mẫn	1981		An Giang	Kinh	2012	12/12	ĐHSP.TH	SC		A	A	Giáo viên	GV-TH trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
25	Cao Thanh Tú	1981		Kiên Giang	Kinh	2014	12/12	ĐHSP.TH	SC		A		Giáo viên	GV-TH trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Nam Du	
A GIAI ĐOẠN 2015-2020																
I Danh sách quy hoạch chức danh cấp Trưởng																
1 Chức danh hiệu trưởng																
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhỏ		1983	An Minh-Kiên Giang	Kinh	2009	ĐH	CNGDMN	SC		B	B	Phó hiệu trưởng	Trường MN Sao Mai	Hiệu trưởng MN Hòn Tre	
2	Đỗ Thị Hương		1983	Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	2012	ĐH	CNGDMN	TC		A	B	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Hòn Tre	Hiệu trưởng MN Hòn Tre	
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhỏ		1983	An Minh-Kiên Giang	Kinh	2009	ĐH	CNGDMN	SC		B	B	Phó hiệu trưởng	Trường MN Sao Mai	Hiệu trưởng MN Sao Mai	
2	Đỗ Thị Hương		1983	Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	2012	ĐH	CNGDMN	TC		A	B	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Hòn Tre	Hiệu trưởng MN Sao Mai	
1	Sầm Quốc Bửu	1981		An Biên-Kiên Giang	Kinh	2006	ĐH	CNGDTH	TC		A	A	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng Tiểu học Hòn Tre	
2	Trần Sỹ Thiện	1974		Kiến Xương-Thái Bình	Kinh	2008	ĐH	CNGDTH	SC		A	B	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng Tiểu học Hòn Tre	
1	Nguyễn Thị Mai		1973	Thanh Chương-Nghệ An	Kinh	2005	ĐH	CNGDTH	SC		A	B	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Hiệu trưởng Tiểu học Trần Quốc Toàn	
2	Thái Văn Búi	1979		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	2007	ĐH	CNGDTH	TC		A	B	Chuyên viên PGDĐT	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng Tiểu học Trần Quốc Toàn	
1	Trần Sỹ Thiện	1974		Kiến Xương-Thái Bình	Kinh	2008	ĐH	CNGDTH	SC		A	B	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng Tiểu học Lại Sơn	
2	Hoàng Thị Huyền		1975	Đồ Lương-Nghệ An	Kinh	2004	ĐH	CNGDTH	SC				Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Sơn	Hiệu trưởng Tiểu học Lại Sơn	
1	Hoàng Thị Huyền		1975	Đồ Lương-Nghệ An	Kinh	2004	ĐH	CNGDTH	SC				Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Sơn	Hiệu trưởng Tiểu học An Sơn	
2	Trần Sỹ Thiện	1974		Kiến Xương-Thái Bình	Kinh	2008	ĐH	CNGDTH	SC		A	B	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng Tiểu học An Sơn	
1	Trần Văn Vũ	1980		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh		ĐH	ĐHSP Sư	SC		A	B	Chuyên viên PGDĐT	PGD&ĐT	Hiệu trưởng THCS An Sơn	
2	Trần Danh Hưng	1974		Thọ Xuân-Thanh Hóa	Kinh	2006	ĐH	ĐHSP Toán	SC		B	B	Phó hiệu trưởng	Trường THCS An Sơn	Hiệu trưởng THCS An Sơn	
1	Thái Văn Búi	1979		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	2007	ĐH	CNGDTH	TC		A	B	Chuyên viên PGDĐT	PGD&ĐT	Hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	
2	Thế Đức Mạnh	1977		Hưng Hà-Thái Bình	Kinh	2005	ĐH	ĐHSP	TC				Phó hiệu trưởng	Trường TH-THCS Nam Du	Hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	
3	Nguyễn Thị Thảo		1979	Châu Phú-An Giang	Kinh	2002	ĐH	CNGDTH	TC				Phó hiệu trưởng	Trường TH-THCS Nam Du	Hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	
II Danh sách quy hoạch chức danh cấp Phó																
2 Chức danh Hiệu phó																
1	Nguyễn Thị Bích Duyên		1988	An Minh-Kiên Giang	Kinh	2016	ĐH	CNGDMN	SC		A	A	Giáo viên MN H.Tre	Trường Mầm non Hòn Tre	Phó HT trường Mn Hòn Tre	
2	Nguyễn Thị Đông Xuân		1988	An Biên- Kiên Giang	Kinh	2016	ĐH	CNGDMN	SC		A	B	Giáo viên MN H.Tre	Trường Mầm non Hòn Tre	Phó HT trường Mn Hòn Tre	
1	Đào Thị Nguyên		1986	Thanh Phú-Bến Tre	Kinh		ĐH	CNGDMN			B	B	Giáo viên Mn Sao Mai	Trường MN Sao Mai	Phó HT trường Mn Sao Mai	
2	Lê Thị Mỹ Linh		1986	Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	2017	ĐH	CNGDMN			B	B	Giáo viên Mn Sao Mai	Trường MN Sao Mai	Phó HT trường Mn Sao Mai	
1	Ngô Thu Hà		1980	Vinh Lộc-Thanh Hóa	Kinh	2007	ĐH	CNGDTH	SC			B	Giáo viên TH Hòn Tre	Trường Tiểu học Hòn Tre	Phó hiệu trưởng Tiểu học Hòn Tre	
2	Lê Thị Mai		1976	Đồ Lương-Nghệ An	Kinh	2007	ĐH	CNGDTH	SC			A	Giáo viên TH Hòn Tre	Trường Tiểu học Hòn Tre	Phó hiệu trưởng Tiểu học Hòn Tre	
3	Cao Thị Kim Nhựt		1970	Lai Vung-Đồng Tháp	Kinh	2002	ĐH	CNGDTH	TC				Giáo viên TH Hòn Tre	Trường Tiểu học Hòn Tre	Phó hiệu trưởng Tiểu học Hòn Tre	
4	Phan Ngọc Vũ	1970		Châu Thành-Bến Tre	Kinh		ĐH	CNGDTH	SC				Giáo viên TH Hòn Tre	Trường Tiểu học Hòn Tre	Phó hiệu trưởng Tiểu học Hòn Tre	
1	Lê Thị Thơm		1985	Phụng Hiệp-Hậu Giang	Kinh	2013	ĐH	CNGDTH	SC		A	B	Giáo viên TH TQT	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Phó hiệu trưởng TH Trần Quốc Toàn	
2	Ngô Hoàng Linh	1979		Lại Sơn- Kiên Giang	Kinh	2008	ĐH	CNGDTH	SC		B	B	Giáo viên TH TQT	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Phó hiệu trưởng TH Trần Quốc Toàn	
3	Lê Thu Hạnh		1978	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	2004	ĐH	CNGDTH	SC		A	A	Giáo viên TH TQT	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Phó hiệu trưởng TH Trần Quốc Toàn	
1	Diễm Nhật Minh		1979	Tân Yên-Bắc Giang	Kinh		ĐH	CNGDTH				A	Giáo viên TH Lại Sơn	Trường Tiểu học Lại Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học Lại Sơn	
2	Nguyễn Thị Thủy		1979	Đồ Lương-Nghệ An	Kinh	2011	ĐH	CNGDTH	SC		B	B	Giáo viên TH Lại Sơn	Trường Tiểu học Lại Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học Lại Sơn	
3	Vũ Thị Hà		1980	Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	2012	ĐH	CNGDTH	SC				Giáo viên TH Lại Sơn	Trường Tiểu học Lại Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học Lại Sơn	
1	Dương Thị Thu Sáng		1985	Tân Hiệp-Kiên Giang	Kmer	2013	ĐH	CNGDMN	SC		B	B	Giáo viên TH An Sơn	Trường Tiểu học An Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học An Sơn	
2	Nguyễn Lê Thu		1979	Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	2012	ĐH	CNGDTH	SC		B	B	Giáo viên TH An Sơn	Trường Tiểu học An Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học An Sơn	
3	Đặng Thị Văn		1974	Kiến Xương-Thái Bình	Kinh	2005	ĐH	CNGDTH	SC		B	B	Giáo viên TH An Sơn	Trường Tiểu học An Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học An Sơn	
4	Huỳnh Văn Tý	1988		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	2017	ĐH	CNGDTH			B	B	Giáo viên TH An Sơn	Trường Tiểu học An Sơn	Phó hiệu trưởng Tiểu học An Sơn	
1	Nguyễn Thị Quỳnh Tâm		1981	Đức Phổ-Quảng Ngãi	Kinh	2006	ĐH	ĐHSP Toán	SC		B	A	Giáo viên THCS An Sơn	Trường THCS An Sơn	Phó hiệu trưởng THCS An Sơn	
2	Nguyễn Kim Phụng	1984		Càng Long-Trà Vinh	Kinh	2014	ĐH	ĐHSP Toán	SC		B	B	Giáo viên THCS An Sơn	Trường THCS An Sơn	Phó hiệu trưởng THCS An Sơn	
1	Kim Giàu	1985		Trà Cú-Trà Vinh	Khmer	2014	ĐH	CNGDTH	SC		A	A	Gv TH-THCS Nam Du	Trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	
2	Ngô Văn Khánh	1980		Thọ Xuân-Thanh Hóa	Kinh	2010	ĐH	ĐHSP Văn	TC			A	Gv TH-THCS Nam Du	Trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	
3	Nguyễn Cúc Thảo		1985	Càng Long-Trà Vinh	Kinh	2015	ĐH	ĐHSP Toán	SC		B	B	Gv TH-THCS Nam Du	Trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	
4	Nguyễn Minh Mẫn	1981		Châu Phú-An Giang	Kinh	2012	ĐH	CNGDTH	SC		A	A	Gv TH-THCS Nam Du	Trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	

5	Cao Thanh Tú	1981	An Biên-Kiên Giang	Kinh	2014	ĐH	CNGDTH	SC	A	Gv TH-THCS Nam Du	Trường TH-THCS Nam Du	Phó hiệu trưởng TH-THCS Nam Du	.	.
---	--------------	------	--------------------	------	------	----	--------	----	---	-------------------	-----------------------	--------------------------------	---	---

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nhở

Nguyễn Thị Tuyết Nhở

Kiên Hải, ngày 14 tháng 10 năm 2019

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Trí

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 09

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Năm bổ nhiệm tuyển dụng Hợp đồng	Ngạch công chức, viên chức	Đơn vị công tác, chức vụ trước khi bổ nhiệm/ tuyển dụng				Trình độ, chuyên môn		Chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị						Ghi chú
						Đơn vị	Chức vụ	Năm tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng	Trình độ đào tạo	Chuyên môn đào tạo	Trình độ Chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CC bồi dưỡng NVSP	Khác	
A. LÃNH ĐẠO PHÒNG																		
1	Võ Hồng Phú	20/5/1971	Trưởng phòng	2018	01.003	PTCS Lại Sơn	Phó Trưởng phòng	1994	Xét tuyển	ĐH	ĐHSP Toán	CC	CC	Nâng cao	B1			
2	Hoàng Thị Hương	2/2/1971	Phó Trưởng phòng	2018	01.003	LĐLĐ huyện	UVTV Liên đoàn	2003	Xét tuyển	ĐH	Cử nhân GDTH	CC	CC	Nâng cao	B1			
B. CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN																		
1	Trần Văn Vũ	2/4/1980	Chuyên viên	2017	01.003	THPT Lại sơn	Giáo viên	2004	Xét tuyển	ĐH	ĐHSP Sư	SC	CC	Nâng cao	B1			
2	Thái Văn Bùi	2/5/1979	Chuyên viên	2017	01.003	PTCS An Hòa	Giáo viên	2000	Xét tuyển	ĐH	Cử nhân GDTH	CC	CC	Nâng cao	B1			
3	Võ Thị Ngọc Giàu	1/1/1988	Chuyên viên	2018	01.003	Phòng Tư pháp Vĩnh Thanh	Kế toán	2014	Thi tuyển	ĐH	Đại học Kế toán	SC	CC	Nâng cao	B			
Tổng số																		

Người lập biểu

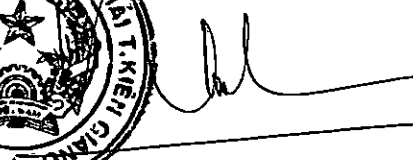


Nguyễn Thị Tuyết Nhở

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 07

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2014 - 9/2019

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Nghề nghiệp, đơn vị công tác trước Hợp đồng		Hình thức hợp đồng				Trình độ, chuyên môn		Đơn vị tiếp nhận (sử dụng)	Tổng số theo năm	Chi chú
			Đơn vị	Nghề nghiệp	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Mùa vụ	Khác	Trình độ được đào tạo	Chuyên môn được đào tạo			
NĂM 2014													
I. MẦM NON													
1	Nguyễn Bảo Trâm	3/12/1990	Mầm non Hòn Tre	Giáo viên		x			12/12	TCSP Mầm Non	Mầm non Hòn Tre		
2	Huỳnh Thị Mùi Em	4/16/1985	Mầm non Hòn Tre	Giáo viên		x			12/12	TCSP Mầm Non	Mầm non Hòn Tre		
3	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/03/1992	Mầm Non Hòn Tre	Y tế-HD		x			12/12	TC- Y tế	Mầm Non Hòn Tre		
II. TIỂU HỌC													
1	Nguyễn Thị Anh Tươi	9/3/1981	Tiểu học Trần Quốc Toàn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiểu học	Tiểu học Trần Quốc Toàn		
2	Trần Thị Loan	4/20/1991	Tiểu học Trần Quốc Toàn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiếng Anh	Tiểu học Trần Quốc Toàn		
3	Lê Ngọc Bích	7/6/1991	Tiểu học Trần Quốc Toàn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiếng Anh	Tiểu học Trần Quốc Toàn		
4	Nguyễn Thị Dung	6/17/1989	Tiểu học Trần Quốc Toàn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiểu học	Tiểu học Trần Quốc Toàn		
5	Huỳnh Thị Thủy An	4/20/1990	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
6	Hoàng Ngọc Tinh	12/26/1983	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
7	Thái Văn Út Tiền	3/26/1986	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Anh văn	Tiểu học An Sơn		
8	Trần Thị Kim Lan	03/4/1989	Tiểu học Lại Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học Lại Sơn		
9	Danh Hấp	12/19/1988	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	ĐH-GDTC	Tiểu học An Sơn		
10	Lê Minh Thái	4/25/1989	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP- Sư.Địa	Tiểu học An Sơn		
11	Huỳnh Văn Tý	4/21/1988	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
12	Lê Thị Tô Quyên	02/01/1990	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
III. THCS													
1	Hình Hoàng Lâm	21/9/1990	THCS An Sơn	Giáo viên					12/12	CĐSP Tin học	THCS An Sơn		
2	Nguyễn Hoài Dương	9/10/1987	THCS An Sơn	Giáo viên					12/12	Cao đẳng Anh văn	THCS An Sơn		
3	Bùi Bảo Toàn	11/23/1988	PTCS An Hòa, Nam Du	Giáo viên		x			12/12	Cao đẳng Anh văn	PTCS An Hòa, Nam Du		
4	Danh Đức	8/9/1983	PTCS An Hòa, Nam Du	Giáo viên		x			12/12	TCSP Tiểu học	PTCS An Hòa, Nam Du		
5	Lê Đức Tuyên	5/14/1991	PTCS An Hòa	Kế toán		x			12/12	TC-Kế toán	PTCS An Hòa		
6	Tổng Thị Hiền	9/2/1984	PTCS An Hòa, Nam Du	Giáo viên		x			12/12	Cao đẳng-CNTT	PTCS An Hòa, Nam Du		
NĂM 2015													
I. MẦM NON													
1	Lê Hoàng Diệu	27/3/1994	Mầm Non Hòn Tre	Giáo viên		x			12/12	TC- Mầm Non	Mầm Non Hòn Tre		
2	Nguyễn Thị Thoa	01/5/1986	TH-THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	TC-Mầm Non	TH-THCS Nam Du		
3	Ngô Thị Trúc Anh	21/8/1987	Mầm non Sao Mai	Kế toán		x			12/12	TC- Kế toán	Mầm non Sao Mai		
4	Nguyễn Thủy Tiên	05/7/1993	Mầm non Sao Mai	Giáo viên		x			12/12	TC-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
5	Trần Thị Phương	03/9/1994	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	TC-Mầm Non	Tiểu học An Sơn		
6	Chiêm Thủy Tiên	28/4/1994	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	TC-Mầm Non	TH và THCS Nam Du		
7	Lê Thị Tiến	15/6/1992	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	TC-Mầm Non	TH và THCS Nam Du		

8	Cao Kiều Nương	03/6/1981	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	TC-Mầm Non	Tiểu học An Sơn		
9	Võ Thị Dương Thủy	1995	Mầm non Sao Mai	NV Y tế		x			12/12	TC - Y sỹ	Mầm non Sao Mai		
II. TIỂU HỌC													
1	Thị Mỹ Hằng	05/01/1990	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
2	Lê Kim Hoàn	12/7/1989	Tiểu học Hòn Tre	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-GDTC	Tiểu học Hòn Tre		
3	Danh Hấp	19/12/1988	Tiểu học An Sơn	NV-TB		x			12/12	ĐH-GDTC	Tiểu học An Sơn		
4	Trần Văn Vũ	12/4/1991	Tiểu học Lại Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐ-GDTC	Tiểu học Lại Sơn		
5	Nguyễn Thị Vẽ	23/6/1992	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	TH và THCS Nam Du		
6	Trương Bích Nga	20/12/1992	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	TH và THCS Nam Du		
7	Lê Ngọc Huyền	15/9/1990	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	TH và THCS Nam Du		
8	Trần Thị Trúc Quyên	16/9/1992	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	CĐ-Anh văn	TH và THCS Nam Du		
9	Danh Thông Giang	16/5/1990	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
10	Thị Thu Giàu	15/02/1992	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
11	Danh Thị Mỹ Nhân	30/6/1989	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
12	Nông Thị Mai	22/3/1993	Tiểu học An Sơn	NV Tiểu học		x			12/12	CĐ-Toán - Tin	Tiểu học An Sơn		
13	Nguyễn Thị Mộng Yến	24/7/1993	Tiểu học An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
14	Trương Thị Kim Ngân	24/9/1989	Tiểu học Lại Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Tiểu học	Tiểu học Lại Sơn		
15	Võ Tổ Quyên Quyên	6/7/1988	Tiểu học Lại Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐ-CNTT	Tiểu học Lại Sơn		
16	Nguyễn Tiến Dũng	26/12/1981	Tiểu học Lại Sơn	NV Tiểu học		x			12/12	CĐ-Lý - Tin	Tiểu học Lại Sơn		
III. THCS													
1	Nguyễn Thị Quý	1985	THCS An Sơn	GV-THCS		x			12/12	ĐH - Nhạc	THCS An Sơn		
2	Nguyễn Trường Giang	11/12/1988	THCS An Sơn	GV-THCS		x			12/12	ĐHSP - Sinh	THCS An Sơn		
3	Danh Hoàng	11/3/1987	THCS An Sơn	NV Tiểu học		x			12/12	ĐH-GDTC	THCS An Sơn		
4	Châu Thị Mỹ Linh	29/3/1991	THCS An Sơn	Giáo viên		x			12/12	CĐSP-Nhạc	THCS An Sơn		
5	Vũ Thanh Quang	7/5/1979	TH và THCS Nam Du	Giáo viên		x			12/12	ĐH - Sinh	TH và THCS Nam Du		
NĂM 2016													
I. MẦM NON													
1	Danh Thị Mỹ Nhân	30/6/1989	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Mầm non Sao Mai		
2	Nguyễn Thị Mỹ Linh	02/06/1990	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP- Địa lý	Mầm non Sao Mai		
3	Ngô Thị Trúc Anh	21/8/1987	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TC- Kế toán	Mầm non Sao Mai		
4	Nguyễn Thủy Tiên	05/7/1993	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
5	Nguyễn Thị Hồng Diệu	07/9/1991	Mầm non Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Mầm non Hòn Tre		
6	Lê Hoàng Diệu	27/3/1994	Mầm Non Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Mầm Non Hòn Tre		
7	Nguyễn Thị Thoa	01/5/1986	TH và THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	TH và THCS Nam Du		
8	Lê Thị Mỹ Ngọc	04/01/1995	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Tiểu học An Sơn		
9	Trần Thị Lan	1995	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	Tiểu học An Sơn		
II. TIỂU HỌC													
10	Đặng Thị Mĩ Hương	18/4/1994	Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Tiểu học Lại Sơn		
11	Trần Văn Vũ	12/4/1991	Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-GD Thể chất	Tiểu học Lại Sơn		
12	Nguyễn Thị Vẽ	23/6/1992	TH và THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH và THCS Nam Du		
13	Trần Thị Bảo Trang	05/6/1994	TH và THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH và THCS Nam Du		
14	Bùi Thị Kiều Tiên	06/02/1994	TH và THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH và THCS Nam Du		
15	Võ Thị Mỹ Tiên	09/6/1994	TH và THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐ. Anh văn	TH và THCS Nam Du		
16	Thị Mỹ Hằng	05/01/1990	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
17	Danh Hấp	19/12/1988	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐH-GD Thể chất	Tiểu học An Sơn		
18	Lê Kim Hoàn	12/7/1989	Tiểu học Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-GD Thể chất	Tiểu học Hòn Tre		
III. THCS													

19	Đỗ Vũ Tinh	22/12/1992	TH và THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP Lịch Sử	TH và THCS Nam Du		
20	Danh Thương	25/7/1992	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP Ngữ văn	THCS An Sơn		
21	Châu Thị Mỹ Linh	29/3/1991	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-Nhạc	THCS An Sơn		
22	Nguyễn Trường Giang	11/12/1988	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP - Sinh	THCS An Sơn		

NĂM 2017

I. MẦM NON													
1	Danh Thị Mỹ Nhân	03/19/1905	Trường MN Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Trường MN Sao Mai		
2	Nguyễn Thị Mỹ Linh	06/12/1905	Trường MN Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP- MN	Trường MN Sao Mai		
3	Ngô Thị Trúc Anh	6/9/1905	Trường MN Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TC- Kế toán	Trường MN Sao Mai		
4	Nguyễn Thủy Tiên	6/15/1905	Trường MN Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Trường MN Sao Mai		
5	Lê Thị Thúy Duy	1996	Trường MN Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TC-MN	Trường MN Sao Mai		
6	Nguyễn Thị Hồng Diệu	6/13/1905	Trường MN Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Trường MN Hòn Tre		
7	Lê Hoàng Diệu	6/16/1905	Trường MN Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Trường MN Hòn Tre		
8	Lê Thị Mỹ Ngọc	04/01/1995	Trường Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	TC-MN	Trường Tiểu học An Sơn		
9	Trần Thị Lan	1995	Trường Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	Trường Tiểu học An Sơn		
10	Nguyễn Ngọc Thắm	1994	Trường MN Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	TC-MN	Trường MN Hòn Tre		
11	Lương Thị Ánh Thư	1996	Trường Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	TC-MN	Trường Tiểu học Lại Sơn		
12	Nguyễn Thị Thoa	01/5/1986	Trường TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Trường TH-THCS Nam Du		
13	Nguyễn Thị Phương Huỳnh	1996	Trường TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	TC-MN	Trường TH-THCS Nam Du		

II. TIỂU HỌC													
1	Lê Kim Thoán	12/7/1989	Trường Tiểu học Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-GD Thể chất	Trường Tiểu học Hòn Tre		
2	Đặng Thị Mĩ Hương	18/4/1994	Trường Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Trường Tiểu học Lại Sơn		
3	Trần Văn Vũ	12/4/1991	Trường Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-GD Thể chất	Trường Tiểu học Lại Sơn		
4	Nguyễn Thị Mộng Cầm	1995	Trường Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	TC-TV-TBTH	Trường Tiểu học Lại Sơn		
5	Nguyễn Thị Vẽ	23/6/1992	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH-THCS Nam Du		
6	Trần Thị Bảo Trang	05/6/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH-THCS Nam Du		
7	Bùi Thị Kiều Tiên	06/02/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH-THCS Nam Du		
8	Võ Thị Mỹ Tiên	09/6/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐ. Anh văn	TH-THCS Nam Du		
9	Trương Hoàng Phương	1992	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH-THCS Nam Du		
10	Thị Mỹ Hằng	05/01/1990	Trường Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Trường Tiểu học An Sơn		
11	Danh Hấp	19/12/1988	Trường Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐH-GD Thể chất	Trường Tiểu học An Sơn		

III. THCS													
1	Bùi Thị Bích Thuận	1988	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-Nhạc	TH-THCS Nam Du		
2	Võ Nam Du	1993	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP- Toán	TH-THCS Nam Du		
3	Danh Ngọc Thảo Ngân	1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CN-Ngôn ngữ Anh	TH-THCS Nam Du		
4	Danh Thương	25/7/1992	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP Ngữ văn	THCS An Sơn		
5	Châu Thị Mỹ Linh	29/3/1991	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐSP-Nhạc	THCS An Sơn		
6	Nguyễn Trường Giang	11/12/1988	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP - Sinh	THCS An Sơn		
7	Danh Niên	1988	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CNSP-Vật lý	THCS An Sơn		
8	Huỳnh Yến Linh	1993	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CNSP-Vật lý	THCS An Sơn		
9	Trần Quốc Nam	1991	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CNSP- Hóa	THCS An Sơn		
10	Nguyễn Thị Thúy An	1994	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP- Văn	THCS An Sơn		
11	Ngô Yến Tân	1991	THCS An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐSP- Mỹ Thuật	THCS An Sơn		
12	Đỗ Vũ Tinh	22/12/1992	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP Lịch Sử	TH-THCS Nam Du		

NĂM 2018

I. MẦM NON													
1	Nguyễn Thị Hồng Thanh	14/3/1995	Mầm non Hòn Tre	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	Mầm non Hòn Tre		

2	Hoàng Thị Hoài Thương	24/5/1997	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
3	Mai Thị Yến Nhi	10/12/1996	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
4	Phạm Thanh Quyên	4/10/1995	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
5	Huỳnh Thị Thanh Thúy	15/10/1994	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	ĐHGD-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
6	Nguyễn Thị Mỹ Linh	06/02/1990	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	ĐHSP- Địa lý	Mầm non Sao Mai		
7	Danh Thị Mỹ Nhân	30/6/1989	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Mầm non Sao Mai		
8	Thị Cẩm Tiên	11/3/1996	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	Mầm non Sao Mai		
9	Ngô Huỳnh Trúc Anh	21/8/1987	Mầm non Sao Mai	Sinh viên		x			12/12	TC- Kế toán	Mầm non Sao Mai		
10	Phạm Thị Là	06/08/1997	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	TCGD-Mầm Non	TH-THCS Nam Du		
11	Nguyễn Thị Thu Hà	27/05/1996	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Mầm Non	TH-THCS Nam Du		
II. TIỂU HỌC													
12	Trần Thị Ngọc Huyền	19/02/1993	TH.Trần Quốc Toàn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH.Trần Quốc Toàn		
13	Trần Linh Phương	04/05/1994	TH.Trần Quốc Toàn	Sinh viên		x			12/12	TC- Âm nhạc	TH.Trần Quốc Toàn		
14	Lê Thị Xoan	15/5/1995	TH.Trần Quốc Toàn	Sinh viên		x			12/12	ĐHGD-Tiểu học	TH.Trần Quốc Toàn		
15	Mai Thị Ngọc	18/6/1994	Tiểu học Lại Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Tiểu học Lại Sơn		
16	Lâm Đăng Khoa	12/6/1991	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
17	Huỳnh Nguyễn Hải Đăng	04/4/1997	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	TCGD- Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
18	Bùi Thanh Trúc	18/1/1995	Tiểu học An Sơn	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	Tiểu học An Sơn		
19	Lê Văn Toàn	20/7/1995	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐGD-Tiểu học	TH-THCS Nam Du		
20	Trương Thị Cẩm Hà	10/4/1989	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	ĐHGD-Tiểu học	TH-THCS Nam Du		
21	Võ Thị Mỹ Tiên	09/6/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐ- Anh văn	TH-THCS Nam Du		
III. THCS													
22	Nguyễn Thị Duyên	26/12/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CĐSP- Tiếng Anh	TH-THCS Nam Du		
23	Ngô Kim Quý	04/11/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CNGD-Lịch Sử	TH-THCS Nam Du		
24	Nguyễn Thị Thuý An	25/12/1994	TH-THCS Nam Du	Sinh viên		x			12/12	CNSP Ngữ văn	TH-THCS Nam Du		
Tổng cộng													

Người lập biểu

Tuyet

Nguyễn Thị Tuyết Nhỏ

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC, GIÁO VIÊN NĂM 2014 - 9/2019

Biểu số 06

ĐIỀU SỬ DỤNG

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Nghề nghiệp, đơn vị công tác trước tuyển dụng		Hình thức tuyển dụng				Ngạch dự tuyển	Trình độ, chuyên môn			Đơn vị tiếp nhận (sử dụng)	Chuyên môn, nghiệp vụ				
			Đơn vị	Nghề nghiệp	Thi tuyển	Xét tuyển	Đặc cách	Khác		Trình độ được đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp		Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CC bồi dưỡng NVSP	Khác	Chi chú
NĂM 2016																		
1	Nguyễn Thị Hồng Diệu	1991				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Hòn Tre	A	A			
2	Lê Hoàng Diệu	1994				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Hòn Tre	B	A			
3	Nguyễn Ngọc Thắm	1994				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Hòn Tre	B	A			
4	Nguyễn Thủy Tiên	1993				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	B	B			
5	Lê Thị Thúy Duy	1996				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	A	A			
6	Lê Thị Mỹ Ngọc	1995				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	A	B			
7	Trần Hồng Ngọc	1996				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	A	A			
8	Phạm Thị Thúy Nhi	1992				x			V.07.02.06	ĐH	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	A	B			
9	Phan Minh Sang	1990				x			V.07.03.08	ĐH	Giáo dục thể chất		Trường Tiểu học Hòn Tre	A	B			
10	Lương Thị Ánh Thư	1996				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Tiểu học Lại Sơn	A	A			

11	Cao Kiều Nương	1981				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Tiểu học Lại Sơn	A	B			
12	Đặng Thị Mỹ Hương	1994				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học Lại Sơn	A	B			
13	Trần Văn Vũ	1990				x			V.07.03.08	ĐH	Giáo dục thể chất		Trường Tiểu học Lại Sơn	B	B			
14	Trương Văn Thật	1987				x			V.07.03.07	ĐH	Sư phạm Tin học		Trường Tiểu học Lại Sơn		B			
15	Nguyễn Thị Mộng Cầm	1995				x			V.10.02.07	TC	Thư viện - Thiết bị trường học		Trường Tiểu học Lại Sơn	A	A			
16	Nguyễn Thúy Hằng	1992				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Tiểu học An Sơn	B	B			
17	Trần Thị Lan	1995				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Tiểu học An Sơn	A	B			
18	Thị Mỹ Hằng	1990				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục tiểu học		Trường Tiểu học An Sơn	A	B			
19	Nguyễn Thị Thoa	1986				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	C			
20	Nguyễn Thị Phương Huỳnh	1996				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Tiểu học và THCS Nam Du		A			
21	Trương Hoàng Phương	1992				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	B			
22	Bùi Thị Kiều Tiên	1994				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	B			
23	Trần Thị Bảo Trang	1994				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	B			
24	Nguyễn Thị Hồng Trang	1993				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	B			

[illegible]

1.	Nguyễn Thị Hồng Thanh	1995				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Hòn Tre	B	B1			
2	Nguyễn Kim Nhung	1996				x			V.07.02.04	ĐH	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	B	B1			
3	Huỳnh Thị Thanh Thúy	1994				x			V.07.02.04	ĐH	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	B	B1			
4	Mai Thị Yến Nhi	1996				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	A	B			
5	Thị Cẩm Tiên	1996				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	THCB	B1			
6	Phạm Thanh Quyên	1995				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	THCB	B1			
7	Nguyễn Thị Lệ	1991				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	B	A			
8	Danh Thị Mỹ Nhân	1989				x			V.07.02.06	TC	Sư phạm Mầm non		Trường Mầm non Sao Mai	A	B1			
9	Lê Thị Xoan	1995				x			V.07.03.07	ĐH	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	B	B1			
10	Trần Thị Ngọc Huyền	1993				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	B	B1			
11	Trần Linh Phương	1994				x			V.07.03.09	CD	Sư phạm Âm nhạc		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	A	A			
12	Mai Thị Ngọc	1994				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học Lại Sơn	A	B			
13	Lâm Đăng Khoa	1991				x			V.07.03.08	ĐH	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học An Sơn	A	B			
14	Đoàn Đăng Quang	1997				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học An Sơn	A	B1			
15	Huỳnh Nguyễn Hải Đăng	1997				x			V.07.03.09	TC	Sư phạm Tiểu học		Trường Tiểu học An Sơn	A	B1			

16	Lê Thị Yến Nhi	1997				x			V.07.02.05	CD	Giáo dục Mầm non		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	A2			
17	Đỗ Thị Cẩm Thúy	1995				x			V.07.03.07	ĐH	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	B	B			
18	Lê Văn Toàn	1995				x			V.07.03.08	CD	Giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	B1			
19	Nguyễn Thị Duyên	1994				x			V.07.03.08	CD	Sư phạm Tiếng Anh		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	B	B Tiếng Pháp			
20	Võ Thị Mỹ Tiên	1994				x			V.07.04.12	CD	Tiếng Anh		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	B	B Tiếng Pháp	x		
21	Ngô Kim Quý	1994				x			V.07.04.11	ĐH	Sư phạm Lịch Sử		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	B	B1			
22	Nguyễn Thị Thúy An	1994				x			V.07.04.11	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn		Trường Tiểu học và THCS Nam Du	A	B			

Người lập biểu

Tuyet

Nguyễn Thị Tuyết Nhớ

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC BỔ NHIỆM GIAI ĐOẠN 2014 - 9/2019

Biểu số 05

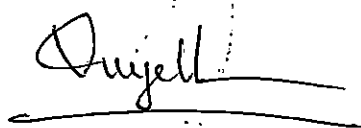
Biểu số 05

STT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Đơn vị công tác, chức vụ trước khi bổ nhiệm				Quyết định bổ nhiệm		Hình thức bổ nhiệm			Trình độ, chuyên môn		Chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị						Đơn vị được bổ nhiệm	Chức vụ được bổ nhiệm	Ghi chú		
			Đơn vị	Chức vụ	Năm tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng	Số QĐ	Ngày/tháng/năm	BN lần đầu	BN lại	BN khác	Trình độ đào tạo	Chuyên môn đào tạo	Trình độ Chính trị (Ngày/tháng/năm cấp)	Trình độ QLNN (Ngày/tháng/năm cấp)	Trình độ tin học (Ngày/tháng/năm cấp)	Trình độ ngoại ngữ (Ngày/tháng/năm cấp)	CC bồi dưỡng NVSP (Ngày/tháng/năm cấp)	Khác					
NĂM 2014																								
1	Phan Thị Hòa	26/9/1978	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Công chức	2001	Xét tuyển	695/QĐ-TCCQ	01/10/2001	x				ĐH	GD Mầm non	TC (14/4/2014)	31/8/2006	A (06/12/2006)	B 25/4/2018)				Trường Mầm non Sao Mai	Hiệu trưởng	
NĂM 2015																								
1	Đỗ Quang Hùng	1967	Trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng	1990	Xét tuyển	46/QĐ-PGD&ĐT	26/11/2015		x			ĐH	GD Tiểu học	TC (14/4/2014)	06/6/2012	A (04/8/1999)	B (31/5/2018)				Trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Đài Trang	1971	Trường Mầm non Hòn Tre	Phó Hiệu trưởng	2003	Xét tuyển	33/QĐ-PGD&ĐT	30/7/2015	x				ĐH	GD Mầm non	TC (14/4/2014)		A (27/1/2015)	B (3/1/2013)				Trường Mầm non Hòn Tre	Hiệu trưởng	
3	Đỗ Thị Hương	1983	Trường Mầm non Hòn Tre	Giáo viên	2003	Xét tuyển	08/QĐ-PGD&ĐT	26/1/2015	x				ĐH	GD Mầm non			A (24/10/2014)	A (31/3/2009)				Trường Mầm non Hòn Tre	Phó Hiệu trưởng	
4	Trần Hữu Sơn	1973	Trường Tiểu học An Sơn	Phó Hiệu trưởng	1994	Xét tuyển	34/QĐ-PGD&ĐT	30/7/2015	x				ĐH	GD Tiểu học	SC (31/10/2014)							Trường Tiểu học An Sơn	Hiệu trưởng	
5	Hoàng Thị Huyền	1975	Trường Tiểu học An Sơn	Giáo viên	1994	Xét tuyển	09/QĐ-PGD&ĐT	26/1/2015	x				ĐH	GD Tiểu học								Trường Tiểu học An Sơn	Phó Hiệu trưởng	
6	Trần Anh Can	1968	Trường Tiểu học An Sơn	Hiệu trưởng	1986	Xét tuyển	50/QĐ-PGD&ĐT	28/11/2014	x				ĐH	GD Tiểu học								Trường TH-THCS Nam Du	Hiệu trưởng	
7	Nguyễn Thị Thảo	6/1/1905	Trường TH-THCS Nam Du	Giáo viên	2002	Xét tuyển	11/QĐ-PGD&ĐT	26/1/2015	x				ĐH	GD Tiểu học								Trường TH-THCS Nam Du	Phó Hiệu trưởng	
8	Thế Đức Mạnh	1977	Trường TH-THCS Nam Du	Giáo viên	2003	Xét tuyển	42/QĐ-PGD&ĐT	8/10/2015	x				ĐH	SP Toán	SC (29/07/2015)		B (30/11/2015)	B (9/1/2012)				Trường TH-THCS Nam Du	Phó Hiệu trưởng	
NĂM 2016																								

1	Lương Thị Hạnh		Trường THCS An Sơn	Hiệu trưởng	2006	Xét tuyển	72/QĐ-UBND	19/01/2017	x			SP Sinh	SC (31/10/2014)			B (29/1/2016)			Trường THCS An Sơn	Hiệu trưởng	
2	Trần Danh Hưng		Trường THCS An Sơn	Phó Hiệu trưởng	2006	Xét tuyển	71/QĐ-UBND	19/01/2017	x		ĐH	SP Toán							Trường THCS An Sơn	Phó Hiệu trưởng	
NĂM 2017																					
1	Sầm Quốc Bửu	26/02/1981	Trường Tiểu học Hòn Tre	Phó Hiệu trưởng	2002	Xét tuyển	427/QĐ-UBND	20/6/2017	x		ĐH	SP Thể dục thể thao	TC (14/4/2014)	31/8/2002	A (06/12/2006)	A (21/4/2008)			Trường Tiểu học Hòn Tre	Phó Hiệu trưởng	
2	Trần Sỹ Thiện	06/4/1974	Trường Tiểu học Lại Sơn	Phó Hiệu trưởng	2003	Xét tuyển	428/QĐ-UBND	20/6/2017	x		ĐH	GD Tiểu học	SC (29/7/2015)	11/8/2013	A (13/10/2014)	B (22/12/2014)			Trường Tiểu học Lại Sơn	Phó Hiệu trưởng	
3	Nguyễn Thị Mai	09/5/1973	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Phó Hiệu trưởng	1992	Xét tuyển	426/QĐ-UBND	20/6/2017	x		ĐH	GD Tiểu học	SC (29/7/2015)	10/8/2010	A (06/12/2006)	B (22/12/2014)			Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Phó Hiệu trưởng	
NĂM 2018																					
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhở	15/3/1983	Trường Mầm non Sao Mai	Phó Hiệu trưởng	2006	Xét tuyển	1073/QĐ-UBND	26/12/2018	x		ĐH	GD Mầm non	SC (31/10/2014)		B (09/8/2016)	B (22/12/2014)			Trường Mầm non Sao Mai	Phó Hiệu trưởng	
NĂM 2019																					
1	Phạm Hà	07/7/1973	Trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng	2001	Xét tuyển	157/QĐ-UBND	12/2/2019	x		ĐH	GD Tiểu học	TC (14/4/2014)	15/01/2003	A (13/10/2014)	B (22/12/2014)			Trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng	
1	Đỗ Quang Hùng	16/11/1967	Trường Tiểu học Hòn Tre	Hiệu trưởng	1990	Xét tuyển	156/QĐ-UBND	12/2/2019	x		ĐH	GD Tiểu học	TC (14/4/2014)	06/6/2012	A (04/8/1999)	B (31/5/2018)			Trường Tiểu học Lại Sơn	Hiệu trưởng	
3	Phan Thị Hòa	26/9/1978	Trường Mầm non Sao Mai	Hiệu trưởng	2001	Xét tuyển	448/QĐ-UBND	25/6/2019	x		ĐH	GD Mầm non	TC (14/4/2014)	31/8/2006	A (06/12/2006)	B (25/4/2018)			Trường Mầm non Sao Mai	Hiệu trưởng	
4	Đào Thị Nguyên	09/02/1986	Trường Mầm non Sao Mai	Phó Hiệu trưởng	2012	Xét tuyển	837/QĐ-UBND	30/9/2019	x		ĐH	GD Mầm non	SC	30/7/2010	B (09/6/2009)	B (22/10/2010)			Trường Mầm non Sao Mai	Phó Hiệu trưởng	

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nhở

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH VÀ BIÊN CHẾ CÁC TRƯỜNG MẦM NON

Biểu số 04

TT		Tên trường cơ sở đào tạo	Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên																																									
			Năm 2014								Năm 2015								Năm 2016								Năm 2017								Năm 2018									
			Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy viên tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQ	L	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy viên tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	L	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy viên tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQ	L	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy viên tuyển dụng trong năm							
					Trong biên chế	Hợp đồng								Trong biên chế	Hợp đồng								Trong biên chế	Hợp đồng								Trong biên chế	Hợp đồng					Trong biên chế	Hợp đồng	Trong biên chế	Hợp đồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42			
1	Trường Mầm non Hòn Tre	19	1	14	1	3	14	20	4	20	2	13	2	3	16	20.4		20	2	12	3	3	16	22.6	3	21	2	15	1	3	16	22.9	1	21	2	15	1	3	16	22.9	1			
2	Trường Mầm non Sao Mai	13	2	8	1	2	9	14	2	13	2	6	3	2	12	18.2		14	2	6	4	2	13	18.2	4	17	2	8	5	2	13	18,5	2	18	2	7	7	2	14	20.7	7			
3	Trường TH Lai Sơn	3		3			5	6		3		3			5	6.6		4		3	1		5	6.6	2	5		5			6	6.6	2	5		5			6	6.6				
4	Trường Tiểu học An Sơn	4	0	3	1	0	6	6	0	5	0	3	2	0	6	6.6	0	4	0	3	1	0	6	6.6	2	6	0	6	0	0	6	6.6	2	6	0	6	0	0	6	6.6				
5	TH-THCS Nam Du	3		1	2		4	6		3		1	2		4	6.6		3		1	2		6	6.6	2	4		3	1		5	6.6	1	5		3	2		6	6.6	1			
	TỔNG	42	3	29	5	5	38	52	6	44	4	26	9	5	43	58.4	0	45	4	25	11	5	46	60.6	13	53	4	37	7	5	46	61.2	8	55	4	36	10	5	48	63.4	9			

Người lập biên

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Tuyết Nhở



Lê Minh Trí

DANH SÁCH VÀ BIÊN CHẾ CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC

Biểu số 03

TT		Tên trường cơ sở đào tạo	Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên																																									
			Năm 2014								Năm 2015								Năm 2016								Năm 2017								Năm 2018									
			Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm										
					Trong biên chế	Hợp đồng							Trong biên chế	Hợp đồng							Trong biên chế	Hợp đồng							Trong biên chế	Hợp đồng					Trong biên chế	Hợp đồng	Trong biên chế	Hợp đồng	Trong biên chế	Hợp đồng	Trong biên chế	Hợp đồng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42			
1	Tiểu học Hòn Tre	27	2	21	1	3	21	28,5		25	2	19	1	3	20	25,5		26	2	20	1	3	20	24	1	26	2	21		3	20	25,5		26	2	21		3	20	25,5		42		
2	Trần Quốc Toàn	26	2	22		2	21	28,5		25	2	21		2	21	24		23	2	20		1	23	24		23	2	18	2	1	21	22,5		24	2	18	3	1	21	22,5		3		
3	Trường TH Lai Sơn	23	2	18	1	2	22	28,5		24	2	18	2	2	22	28,5		25	2	18	2	3	22	28,5		25	2	20		3	21	24	2	24	1	20	1	2	21	24		1		
4	Trường Tiểu học An Sơn	33	2	26	1	4	27	33	12	32	2	26	1	3	27	33		31	2	25	1	3	27	33		28	2	22	3	1	27	33		27	2	21	3	1	27	33		3		
5	TH-THCS Nam Du	22	1	18		3	20	31,5	5	28	2	19	4	3	21	31,5		28	2	19	5	2	21	31,5		27	2	20	3	2	21	33	4	25	2	18	3	2	21	31,5		3		
TỔNG		131	9	105	3	14	111	150	17	134	10	103	8	13	111	142,5	0	133	10	102	9	12	113	141	1	129	10	101	8	10	110	138	6	126	9	98	10	9	110	136,5		10		

Người lập biểu

Duyell

Nguyễn Thị Tuyết Nhó

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH VÀ BIÊN CHẾ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Biểu số 02

TT		Tên trường cơ sở đào tạo	Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên																																									
			Năm 2014								Năm 2015								Năm 2016								Năm 2017								Năm 2018									
			Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm	Tổng số giáo viên, CBQLG D, nhân viên hiện có	CBQL	Giáo viên		Nhân viên	Tổng biên chế giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Nhu cầu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh	Số giáo viên giảng dạy tuyển dụng trong năm										
					Trong biên chế	Hợp đồng							Trong biên chế	Hợp đồng							Trong biên chế	Hợp đồng							Trong biên chế	Hợp đồng					Trong biên chế	Hợp đồng								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42			
1	THCS An Sơn	23	2	17	1	3	20	25,8	2	22	2	14	3	3	20	26,15		25	2	12	8	3	20	26,15		25	2	20		3	22	28,05	8	25	2	20		3	21	28,05				
2	TH-THCS Nam Du	11	1	10			11	7,9	2	9	1	7	1		11	8,9		12	1	7	4		11	8,9		13	1	10	2		14	15,55	3	14	1	10	3		14	15	3			
TỔNG		34	3	27	1	3	31	33,7	4	31	3	21	4	3	31	35,05	0	37	3	19	12	3	31	35,05	0	38	3	30	2	3	36	43,6	11	39	3	30	3	3	35	43,05	3			

Người lập biểu

Tuyet

Nguyễn Thị Tuyết Nhớ

Kiên Hải, ngày 11 tháng 10 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Trí

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 01

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH VÀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQLGD MẦM NON, PHỔ THÔNG

TT	Năm học/Cấp học	Trường	Trong đó		Lớp	Trong đó		Học sinh	Trong đó		Tỷ lệ học sinh ngoài công lập	Tổng số giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hiện có	Cán bộ quản lý	Giáo viên, giảng viên		Nhân viên	Tổng biên chế giảng viên, giáo viên theo định mức, tiêu chuẩn	Tổng biên chế giảng viên, giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Ghi chú
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập				Trong biên chế	Hợp đồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Mầm non (Nhà trẻ, Mẫu giáo, Mầm non)																		
	Năm học 2013-2014	2	2	0	21	21	0	637	637			42	3	29	5	5	46.2	38	
	Năm học 2014-2015	2	2	0	22	22	0	571	571			44	4	26	9	5	48.7	43	
	Năm học 2015-2016	2	2	0	22	22	0	623	623			45	4	25	11	5	49	46	
	Năm học 2016-2017	2	2	0	22	22	0	628	628			53	4	37	7	5	49	46	
	Năm học 2017-2018	2	2	0	24	24	0	703	703			55	4	36	10	5	53.4	48	
2	Tiểu học																		
	Năm học 2013-2014	4	4	0	76	76	0	1861	1861			131	9	105	3	14	114	111	
	Năm học 2014-2015	4	4	0	72	72	0	1768	1768			134	10	103	8	13	108	111	
	Năm học 2015-2016	4	4	0	71	71	0	1719	1719			133	10	102	9	12	106.5	113	
	Năm học 2016-2017	4	4	0	68	68	0	1623	1623			129	10	101	8	10	102	110	
	Năm học 2017-2018	4	4	0	67	67	0	1596	1596			126	9	98	10	9	100.5	110	
3	THCS-THPT																		
	Năm học 2013-2014	2	2	0	14	14	0	308	308			34	3	27	1	3	27.3	31	
	Năm học 2014-2015	2	2	0	15	15	0	342	342			31	3	21	4	3	29.55	31	
	Năm học 2015-2016	2	2	0	15	15	0	378	378			37	3	19	12	3	29.55	31	
	Năm học 2016-2017	2	2	0	17	17	0	432	432			38	3	30	2	3	33.7	36	
	Năm học 2017-2018	2	2	0	18	18	0	455	455			39	3	30	3	3	35.95	35	
	Cộng năm học 2013-2014	8	8	0	111	111	0	2806	2806			207	15	161	9	22	187.5	180	
	Cộng năm học 2014-2015	8	8	0	109	109	0	2681	2681			209	17	150	21	21	186.25	185	
	Cộng năm học 2015-2016	8	8	0	108	108	0	2720	2720			215	17	146	32	20	185.05	190	
	Cộng năm học 2016-2017	8	8	0	107	107	0	2683	2683			220	17	168	17	18	184.7	192	
	Cộng năm học 2017-2018	8	8	0	109	109	0	2754	2754			220	16	164	23	17	189.85	193	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nhó

Nguyễn Thị Tuyết Nhó

Kiên Hải, ngày 1 tháng 10 năm 2019



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5787 /VP-VHXXH

Kiên Giang, ngày 02 tháng 10 năm 2019

V/v bổ sung các biểu mẫu báo cáo theo yêu cầu của Đoàn Thanh tra Chính phủ về công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.



Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 1652/TTCP-V.III ngày 19/9/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố Quyết định thanh tra.

Theo yêu cầu của Đoàn thanh tra tại buổi làm việc ngày 02/10/2019, Văn phòng UBND tỉnh gửi bổ sung các biểu mẫu báo cáo theo đề cương đính kèm tại Công văn số 5696/VP-VHXXH ngày 26/9/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (đính kèm các biểu mẫu).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo theo đề cương và các biểu mẫu./. ~~7~~

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- P. VHXXH, P. QTTV;
- Lưu: VT, vttkiểu "HT".

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đỗ Thị Lệ Hảo

Người ký: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Email: vpubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 02.10.2019 16:23:04 +07:00

Số: 236 BC/PGDDT

Kiên Hải, ngày 04 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Đoàn thanh tra Chính phủ theo Quyết định số 658/QĐ- TTCP

Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-TTCP, ngày 18/9/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý về giáo dục, đào tạo.

Nay, Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang báo cáo trình Đoàn Thanh tra với nội dung như sau:

I-Khái quát chung (giai đoạn 2014- 2018)

Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang là huyện đảo¹ với 4 xã độc lập gồm: xã Hòn Tre, xã Lại Sơn, xã An Sơn và xã Nam Du. Trung tâm hành chính huyện cách đất liền khoảng 30km, xã xa nhất của huyện cách đất liền khoảng 120km. Toàn huyện có 08 trường học gồm: 02 trường mầm non (*Trường Mầm non Hòn Tre và Trường Mầm non Sao Mai*); 02 trường tiểu học (*Trường Tiểu học Hòn Tre và Trường Tiểu học Trần Quốc Toản*); 02 trường tiểu học có lớp mầm non (*Trường Tiểu học Lại Sơn và Trường Tiểu học An Sơn*); 01 Trường trung học cơ sở (Trường THCS An Sơn); và 01 trường tiểu học và THCS có lớp mầm non (*Trường Tiểu học và THCS Nam Du*).

1. Vị trí và chức năng

1.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

1.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Về Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Dự thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật, các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động giáo dục ở địa phương.

¹ Theo Quyết định 2311/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

- Dự thảo Quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch 05 năm, hàng năm và chương trình, nội dung cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực giáo dục ở địa phương.

- Dự thảo quy hoạch mạng lưới các trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp học trung học phổ thông ; trường tiểu học; trường mầm non, nhà trẻ, nhóm trẻ, trường, lớp mẫu giáo, (gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) ở địa phương theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Dự thảo các quyết định thành lập (đối với các cơ sở giáo dục công lập), cho phép thành lập (đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập), sáp nhập, chia tách, giải thể các cơ sở giáo dục (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài) đối với: Trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học; trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp học trung học phổ thông; trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non; công nhận việc thành lập trung tâm học tập cộng đồng; các cơ sở giáo dục có tên gọi khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.3. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương, các cơ chế, chính sách về xã hội hoá giáo dục sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục trên địa bàn; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về giáo dục.

2.4. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung, kế hoạch, chuyên môn, nghiệp vụ, các hoạt động giáo dục, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; công tác tuyển sinh, thi, xét duyệt, cấp văn bằng, chứng chỉ đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.5. Chủ trì xây dựng, lập dự toán ngân sách giáo dục hàng năm; quyết định phân bổ, giao dự toán chi ngân sách giáo dục cho các cơ sở giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với Phòng tài chính - Kế hoạch cùng cấp xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hàng năm của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác cho giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.6. Kiểm tra chuyên ngành theo hướng dẫn của Thanh tra Sở giáo dục và đào tạo; phối hợp với thanh tra huyện, thanh tra Sở giáo dục và đào tạo trong các hoạt động kiểm tra, thanh tra về giáo dục và đào tạo ở địa phương.

2.7. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục các cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 3, Điều 8 Thông tư liên tịch số

11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Bộ giáo dục và Đ với Bộ Nội vụ theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.8. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.9. Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của địa phương trong lĩnh vực giáo dục.

2.10. Tổ chức thực hiện công tác xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến, công tác thi đua, khen thưởng về giáo dục trên địa bàn huyện.

2.11. Thực hiện cải cách hành chính, công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến giáo dục và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.12. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.13. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý Nhà nước đối với các Hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động về lĩnh vực và đào tạo trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

2.14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý giáo dục và Đào tạo đối với cán bộ, công chức xã được phân công phục trách, theo dõi công tác giáo dục ở địa phương.

2.15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.17. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và hàng năm, báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao và theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức và biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Về tổ chức

Phòng Giáo dục và Đào tạo có 01 Trưởng phòng; 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ;

Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo là người đứng đầu Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và toàn bộ hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện, ban hành quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định đó;

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29 tháng 5 năm 2015 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Nội vụ theo thẩm quyền các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm và chống lãng phí gây thiệt hại trong cơ quan và các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

- Có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, về tổ chức hoạt động giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo; báo cáo công tác, cung cấp tài liệu trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi có yêu cầu; phối hợp với Trưởng phòng khác và người đứng đầu tổ chức Chính trị - Xã hội cấp huyện giải quyết những vấn đề có liên quan trong việc thực thi nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo;

- Tham gia phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ thực hiện quy trình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, cách chức, giáng chức đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, công nhận, không công nhận Hội đồng trường và các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định công nhận và không công nhận Hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng quản trị, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Biên chế công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo

Biên chế công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện quyết định trong tổng biên chế công chức của huyện do cơ quan có thẩm quyền giao. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt².

3. Các cơ sở giáo dục thuộc Ủy ban nhân cấp huyện

Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân cấp huyện quản lý nhà nước với các cơ sở giáo dục.

Tổng số học sinh toàn huyện hiện nay là 2722 hs/105 lớp (không tính số học sinh THCS của 02 trường THPT) so với năm học 2014-2015 giảm 4 lớp tăng 41 học sinh (năm học 2014-2015 2681hs/109 lớp). Tổng số nhân sự năm 2014 là 207, năm 2018 là 220. Hiện nay 207 giảm 13 nhân sự so với năm 2018 (do chuyển công tác, bỏ việc). Huyện đang chuẩn bị xét tuyển trong năm 2019 để đảm bảo thực hiện đúng số biên chế được giao. Trình độ giáo viên đạt chuẩn 100%.

Về biên chế sự nghiệp giáo dục: Năm 2014 được giao là 230, năm 2015-2017 được giao là 236; năm 2018 được giao là 230. hiện nay được giao là 225 giảm 11 biên chế so với năm 2015.

Việc công khai đối với cơ sở giáo dục: Đây là công việc hết sức quan trọng, huyện đã giao Phòng giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường công minh bạch về lĩnh vực tài chính (công khai các khoản thu của trường, công khai việc thu chi ngân sách trong đơn vị...) công khai về chất lượng giáo dục (thông qua công tác kiểm định chất lượng giáo dục)

II. Việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo

Trong thời gian qua (2014-2018), thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND-UBND tỉnh Kiên Giang³, Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Kiên

² Hiện nay, Phòng Giáo dục được giao 06 biên chế, có mặt 05 biên chế.

³ (1) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 về việc quy định kinh phí chi trả cho đối tượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (2) Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 về việc hỗ trợ tiền thưởng cho giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh đạt thành tích cao trong giảng dạy và học tập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (3) Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (4) Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 về quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (5) Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 ban hành Quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang; (6) Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (7) Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 ban hành Quy định về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; (8) Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học

Hải đã kịp thời tham mưu, trình UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện như: (1) Công văn số 21/VP-UBND ngày 14/01/2014 về việc tiếp tục khảo sát, chấn chỉnh dạy thêm học thêm của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (2) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 19/03/2014 uỷ về “*đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; (3) Công văn số 197/VP-UBND ngày 02/4/2014 về việc ký hợp đồng làm việc đối với viên chức của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (4) Công văn số 316/VP-UBND ngày 15/5/2014 về việc tăng cường và nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (5) Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 16/5/2014 về việc phòng chống tai nạn thương tích trẻ em huyện Kiên Hải giai đoạn 2014 - 2015 của UBND huyện Kiên Hải; (6) Công văn số 15/UBND ngày 04/02/2015 về việc thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền dụng sử dụng và quản lý công chức, viên chức của UBND huyện Kiên Hải; (7) Công văn số 385/VP-UBND ngày 21/5/2015 về việc xét tuyển thẳng vào đại học năm 2015 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (8) Công văn số 103/UBND ngày 07/9/2015 về việc xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 của UBND huyện Kiên Hải; (9) Công văn số 60/VP-VHXXH ngày 27/01/2016 về việc thành lập đoàn kiểm tra cấp tỉnh kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2015 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (10) Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày

2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (9) Quyết định số 07/2017/QĐ- UBND ngày 23/01/2017 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (10) Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (11) Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (12) Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; (13) Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kiên Giang; (14) Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (15) Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 về việc giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện năm 2016; (16) Quyết định số 401/QĐ- UBND ngày 23/02/2012 về phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2011-2020; (17) Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 phê duyệt kế hoạch đào tạo sau đại học cho công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2013-2020; (18) Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 29/10/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 37 ngày 06-6-2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; (19) Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 05/11/2014 về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; (20) Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 11/11/2014 về đào tạo lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (21) Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của UBND tỉnh về việc quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang; (22) Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kiên Giang; (23) Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 02/3/ về việc chuyển nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (24) Chỉ thị số 2323/CT-UBND ngày 03/11/2017 về việc tăng cường công tác phân luồng, tuyển sinh, đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

28/01/2016 về việc thực hiện chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em và các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2015 - 2020 của UBND huyện Kiên Hải; (11) Công văn số 25/UBND-PNV ngày 25/02/2016 về việc xây dựng và điều chỉnh đề án tình giản biên chế theo nghị định số 108/2014/NĐ-CP của UBND huyện Kiên Hải; (12) Quyết định số: 1022/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016 về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng giáo dục và Đào tạo; (13) Công văn số 336/VP-TH ngày 15/5/2017 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017 các công trình, dự án do ngành Giáo dục quản lý của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (14) Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/5/2017 về việc triển khai thực hiện tháng hành động vì trẻ em năm 2017 trên địa bàn huyện của UBND huyện Kiên Hải; (15) Công văn số 655/VP-VHXXH ngày 24/8/2017 về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp học và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến giai đoạn 2021 - 2030 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (16) Công văn số 845/VP-VHXXH ngày 14/8/2018 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018 - 2020 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải; (17) Quyết định số: 789/QĐ-UBND, ngày 15/8/2018 về việc ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường trong trực thuộc; (18) Công văn số 1014/VP-TH ngày 02/10/2018 về việc hưởng ứng tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2018 của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kiên Hải;

Nhìn chung, Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện đã kịp thời tham mưu Huyện ủy, HĐND-UBND huyện thường xuyên quan tâm, chỉ đạo công tác tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, thường xuyên rà soát văn bản để phát hiện những quy định không còn phù hợp với quy định của pháp luật để đảm bảo tính hợp lý, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất, kiến nghị các cấp cơ quan thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Trên cơ sở quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đến năm 2020 và thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các ban ngành đoàn thể có liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của từng địa phương, trình UBND huyện xem xét quyết định điều chỉnh quy hoạch.

Từng bước sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, nhất là ở các trường tiểu học có nhiều điểm trường lẻ; nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và hướng đến sự công bằng hướng thụ hưởng giáo dục đối với học sinh giữa các địa phương, địa bàn. Năm 2019 Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND huyện sáp nhập Trường Mầm non Hòn Tre vào Trường Tiểu học Hòn

Tre, Trường Tiểu học Lại Sơn vào Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

Vào đầu mỗi năm học Phòng Giáo dục và Đào tạo đều tổ chức triển khai thực hiện công tác chuyên môn các cấp học.

Công tác cấp phát văn bằng cho học sinh tốt nghiệp THCS luôn được Phòng Giáo dục chỉ đạo các trường thực hiện đúng quy trình, thủ tục và đảm bảo tính nghiêm minh. Từ năm 2014-2018 Phòng Giáo dục đã thực hiện cấp phát: 691 bằng tốt nghiệp THCS hệ chính quy⁴.

Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin, báo cáo về tổ chức và hoạt động giáo dục định kỳ và hàng năm theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND huyện. Báo cáo thống kê đầu năm, giữa năm và cuối năm học báo cáo sơ kết, tổng kết học kỳ báo cáo chuyên môn theo quy định....

- Hàng năm UBND huyện chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch biên chế trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị sự nghiệp giáo dục thực hiện theo quy định. Căn cứ số lượng biên chế sự nghiệp giáo dục UBND tỉnh giao hàng năm, UBND huyện giao cụ thể số lượng biên chế cho từng đơn vị trong tổng số biên chế UBND tỉnh giao. Cụ thể:

+ Năm 2014: 230 biên chế (Theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 về việc giao biên chế sự nghiệp giáo dục đào tạo của UBND tỉnh Kiên Giang)

+ Năm 2015: 236 biên chế (Theo Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 về việc giao số lượng người làm việc trong sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo của UBND tỉnh Kiên Giang).

+ Năm 2016: 236 biên chế (Theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của UBND huyện Kiên Hải).

+ Năm 2017: 236 biên chế (Theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của UBND huyện Kiên Hải).

+ Năm 2018: 230 biên chế (Theo Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 về việc giao số lượng người làm việc trong sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo của UBND tỉnh Kiên Giang).

+ Năm 2019: 225 biên chế (Theo Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 về việc giao số lượng người làm việc trong sự nghiệp trong các đơn

⁴ Năm học 2014-2015: Đã cấp phát 174 bằng tốt nghiệp; Năm học 2015-2016: Đã cấp phát 152 bằng tốt nghiệp; Năm học 2016-2017: Đã cấp phát 156 bằng Tốt nghiệp và năm học 2017-2018: Đã cấp phát 212 bằng Tốt nghiệp THCS hệ chính quy.

vị sự nghiệp giáo dục đào tạo của UBND tỉnh Kiên Giang).

- Về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường trực thuộc UBND huyện.

Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn đối với công chức, viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường Mầm non; Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Kiên Hải;

Thực hiện Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường thuộc UBND huyện Kiên Hải;

Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu với UBND huyện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động từ năm 2014 đến nay như sau:

+ Năm 2014: 01 người.

+ Năm 2015: 08 người

+ Năm 2016: 02 người

+ Năm 2017: 03 người

+ Năm 2018: 01 người

+ Năm 2019: 04 người

- Về tài chính: Hàng năm thực hiện sự chỉ đạo của UBND huyện (Phòng Tài chính – Kế hoạch), Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện đã chỉ đạo các trường học trực thuộc lập dự toán, tổng hợp trình UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện giao dự toán ngân sách đúng theo quy định của Nhà nước và số biên chế được giao. Nhìn chung kinh phí hoạt động của các trường đảm bảo đủ chi, hàng năm một số đơn vị tiết kiệm tăng thu nhập cho giáo viên, toàn huyện không xảy ra tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, nợ chiết tính giáo viên.

Hàng năm, thực hiện nghiêm quy định về việc báo cáo định kỳ, Phòng Giáo dục đã thực hiện tốt công tác báo cáo cho Huyện ủy, HĐND-UBND luôn kịp thời, đầy đủ và số liệu đầy đủ, chính xác. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc báo cáo trao đổi thông tin được UBND huyện chỉ đạo sử dụng có hiệu quả như: website cổng tin điện tử huyện, trang hồ sơ công việc, Email công vụ, chữ ký số, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, phần mềm phổ cập, phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, ...

Thường xuyên quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của các cấp tại đơn vị và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn huyện Kiên Hải. Triển khai đến đơn vị trực thuộc các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và đề nghị các đơn vị thực hiện.

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

Kể từ khi Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chương trình hành động số 47-CTr/TU, ngày 10-02-2014 của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đi vào thực tiễn, hiệu lực quản lý ngành từ tỉnh đến các cơ sở giáo dục của địa phương được tăng cường; kỷ cương được giữ vững. Các cấp quản lý giáo dục thực hiện tốt vai trò tham mưu, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục ở địa phương một cách bền vững.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước ổn định, đi vào chiều sâu. Đội ngũ cán bộ quản lý đều đã qua đào tạo về công tác quản lý, có nhiều cố gắng trong công việc. Việc quản lý các hoạt động giáo dục ngày càng có hiệu quả và chuyên nghiệp hơn. Cơ sở vật chất ngày càng được đầu tư tăng cường theo hướng chuẩn nông thôn mới và chuẩn quốc gia.

Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, góp phần ổn định và phát triển sự nghiệp giáo dục. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh.

Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng được xã hội đồng tình ủng hộ và đạt được những kết quả đáng kể.

2. Khó khăn:

1. Do đặc thù xã đảo điều kiện đi lại hết sức khó khăn nhất là vào mùa mưa bão, đa số cán bộ giáo viên từ đất liền ra đảo công tác, hàng năm có rất nhiều giáo viên thuyền chuyển hoặc bỏ việc từ đó huyện gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp bố trí nhân sự. Do các xã thường cách nhau khoảng 30 km từ đó huyện gặp khó khăn trong việc điều động giáo viên giữa các trường trong thời gian thiếu tạm thời như nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản...

2. Các trường trên địa bàn huyện đều có qui mô nhỏ, nhiều điểm lẻ từ đó dẫn tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, một số môn sử, Địa, GDCD cấp trung học cơ sở, giáo viên tin học học, ngoại ngữ thường chỉ có 01 giáo viên/ trường vì vậy khi có giáo viên nghỉ thai sản hoặc bỏ việc nhà trường sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp phân công chuyên môn.

3. Hàng năm tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao còn thiếu so nhu cầu nhân sự của địa phương.

4. Do trường các trường mầm non, trung học cơ sở có quy mô nhỏ vì vậy nguồn thu học phí ít từ đó các trường không đảm bảo kinh phí thuê bảo vệ hợp

đồng theo Nghị định 68 (Quy định tinh chi giao biên chế hợp đồng theo Nghị định 68 cho trường tiểu học)

5. Do đặc thù là huyện đảo, địa hình núi và đá nhiều nên diện tích của các trường khá nhỏ, không có đất để mở rộng thêm, vì vậy chưa đảm bảo diện tích theo quy định của Bộ Giáo dục, từ đó huyện gặp rất nhiều khó khăn trong việc chỉ đạo các trường thực hiện việc xây dựng trường chuẩn quốc gia.

6. Sau khi Chính phủ ban hành Công văn 2378/VPCP-KGVX, ngày 08/4/2015 về việc công tác y tế, tài chính kế toán trong các cơ sở giáo dục. Yêu cầu tạm dừng tuyển viên chức chuyên trách y tế, tài chính kế toán tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, Ngành Giáo dục Kiên Hải gặp rất nhiều khó khăn cụ thể như sau: Một số đơn vị không có cán bộ y tế trường học sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện quy định về công tác y tế trường học (*Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học*). Mặt khác nếu nhà trường không có y tế học đường sẽ không được bảo hiểm xã hội cấp tiền khám chữa bệnh ban đầu cho học sinh từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi của các em khi tham gia bảo hiểm y tế. Đối với trường mầm non khung vị trí việc làm quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV thì chỉ được bố trí 02 nhân viên gồm Kế toán kiêm văn thư và y tế trường học kiêm thủ quỹ như vậy nếu tạm dừng tuyển y tế trường học và Kế toán thì trường mầm non sẽ không có nhân viên.

7. Do điều kiện xã đảo khó khăn, giáo viên thường xuyên chuyển, bỏ việc. Theo đó, nếu thực hiện theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2019 của Chính phủ không cho hợp đồng giáo viên thi huyện gặp rất nhiều khó khăn. bởi vì quy trình, thời gian thi tuyển viên chức kéo dài ít nhất 3 tháng từ đó không đảm bảo kịp thời nhu cầu giáo viên của đơn vị.

8. Biên chế Phòng Giáo dục được giao ít (06 người), là huyện đảo, địa hình chia cắt, khoảng cách các trường xa, phương tiện đi lại khó khăn. Vì vậy, trong thực hiện nhiệm vụ quản lý chuyên môn Phòng Giáo dục còn gặp nhiều khó khăn.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Việc thực hiện tinh giản biên chế là cần thiết; song cắt giảm theo định mức 10% theo cơ học là không phù hợp. Việc tinh giảm phải đảm bảo nhu cầu biên chế theo quy mô trường lớp. Vì vậy Chính phủ cần có quy định riêng việc tinh giảm đối với ngành giáo dục. và giao biên chế đủ theo quy mô trường lớp.

2. Đối với xã đảo đặc biệt khó khăn chính phủ cần có chính sách tuyển dụng ưu tiên đối với con em xã đảo, cho phép được hợp đồng trong biên chế được giao trong khi chờ thi tuyển nhằm giải quyết kịp thời giáo viên nghỉ hưu, chuyển, bỏ việc

3. Tiếp tục cho phép tuyển dụng các vị trí y tế trường học và Kế toán.

4. Cho phép trường mầm non và THCS hợp đồng nhân viên theo Nghị định 68 như các trường tiểu học.

5. Cần bổ sung về vị trí việc làm đối với giáo viên tin học, ngoại ngữ ở trường tiểu học và tính thêm biên biên chế về giáo viên biệt phái ở trung tâm học tập công đồng ở các xã.

6. Bộ GD-ĐT cần có quy định riêng về diện tích trường chuẩn quốc gia đối với các xã đảo độc lập.

7. Tiếp tục cho phép hợp đồng giáo viên đối với trường không tuyển đủ viên chức theo biên chế được giao.

8. Cần có quy định cụ thể số người làm việc đối với Phòng GD&ĐT vì hiện nay từng tỉnh, huyện việc giao biên chế số người làm việc ở Phòng GD&ĐT đều khác nhau.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác quản lý Nhà nước về giáo dục giai đoạn 2014-2018 của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Kiên Hải./.

Nơi nhận:

- Đoàn TTCP;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Hồng Phú